

Số: 523/NTC-TCKT

Bình Dương, ngày 16 tháng 06 năm 2021

V/v sửa đổi, bổ sung tài liệu Đại
hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN

Mã chứng khoán : NTC

Địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 747B, Khu phố Long Bình, Phường Khánh Bình,
Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3652328 Fax: 0274.3652325

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hà Trọng Bình – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Khu phố Phú Bình, Phường An Lộc, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0274.3652330

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Sửa đổi, bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

(Đính kèm sửa đổi, bổ sung tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào
ngày 16/06/2021 tại đường dẫn <http://namtanuyen.com.vn/dhdcd-thuong-nien.html>.

Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên
- Website công ty
- Lưu: VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC^{Trần}


Hà Trọng Bình

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN

Đường ĐT 747B, KP Long Bình, P. Khánh Bình, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương
Điện thoại: 0274.3652326 - Fax: 0274.3652325



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Bình Dương – Năm 2021

NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN
Ngày 18 tháng 06 năm 2021

7:30 – 8:00	Đón khách, đăng ký cổ đông	
8:00 – 8:20 (Nghỉ thức)	Chào cờ, Tuyên bố khai mạc, Giới thiệu đại biểu	
	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông về dự Đại hội	
	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội	
	Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội	
8:20 – 11:20 (Nội dung)	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020	
	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	
	Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán	
	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020	
	Trình các nội dung thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ: 1/ Trình phương án phân phối LN năm 2020 và dự kiến năm 2021 2/ Trình chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 3/ Trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty 4/ Trình Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty 5/ Trình Quy chế hoạt động của BKS 6/ Trình hạch toán tiền đền bù cho PHR 7/ Trình phê duyệt quyết toán 02 dự án hoàn thành 8/ Trình thực hiện thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021	
	Bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026	
	Đại hội thảo luận – (Ban bầu cử thực hiện kiểm phiếu)	
	Công bố kết quả bầu cử	
	<i>Giải lao</i> – (HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới họp phiên đầu tiên bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS)	
	HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới ra mắt Đại hội	
	Chủ tọa kết luận và thông qua các nội dung biểu quyết	
	Thư ký Đại hội thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội	
	Biểu quyết Nghị quyết Đại hội	
	11:20 – 11:30	Bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 06 năm 2019.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội nội dung Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (Đại hội) như sau:

Điều 1: Những quy định chung

1. Quy chế làm việc của Đại hội sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (Công ty).
2. Quy chế này Quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này bảo đảm nguyên tắc: công khai, công bằng, dân chủ và đoàn kết để đáp ứng quyền lợi của các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững của công ty.

Điều 2: Tiến hành đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/05/2021.
2. Các cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.

Điều 3: Đoàn chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm 04 thành viên do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty làm Chủ tọa (được đề xuất và biểu quyết tại Đại hội).
2. Đoàn Chủ tịch Đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Đoàn chủ tịch điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
3. Đoàn Chủ tịch Đại hội có các nhiệm vụ sau:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua.
 - Đề cử Tổ Thư ký, Tổ bầu cử và kiểm phiếu.
 - Hướng dẫn Đại hội thảo luận.
 - Trình dự thảo và kết luận các vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

- Trả lời những vấn đề phù hợp theo chương trình do Đại hội yêu cầu.
- Chủ tọa thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký tên vào Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 4: Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 04 thành viên do Hội đồng quản trị Công ty chỉ định trước Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:

1. Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp; phát tài liệu Đại hội, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử; báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

2. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội. Báo cáo kết quả biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Tổ thư ký.

Điều 5: Tổ thư ký

1. Đoàn chủ tịch giới thiệu Tổ thư ký gồm 02 thành viên (Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội).

2. Tổ thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

- a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
- b) Soạn thảo biên bản Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội. Công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.
- c) Tiếp nhận phiếu góp ý kiến của cổ đông.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự: Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 20/5/2021) được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội cổ đông phải xuất trình giấy tờ tùy thân (CMND, căn cước công dân hoặc hộ chiếu), Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp) và Thư mời tham dự cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một thẻ biểu quyết (ghi mã số cổ đông) có ghi tổng số cổ phần bằng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.

- Trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, không được nghe điện thoại trong hội trường, chuyển điện thoại sang chế độ rung.
- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
- Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng việc sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa cho phép để tránh sự sai lệch thông tin.
- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có biện pháp xử lý theo điểm b, khoản 7, điều 142, Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Các cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, có quyền tham gia và biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng

Điều 7: Phát biểu ý kiến và giải đáp trong Đại hội

1. Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Tài liệu họp Đại hội đã được đăng tải trên website của công ty (www.namtanuyen.com.vn). Vì vậy, để Đại hội được tổ chức tốt và chu đáo, đề nghị các quý cổ đông nghiên cứu và chuẩn bị các ý kiến để đóng góp trước khi phát biểu. Mỗi cổ đông nên phát biểu góp ý tất các nội dung một lần, thời gian phát biểu không quá 3 phút, nội dung phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình cuộc họp đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp, cổ đông tham gia dự họp cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Tổ thư ký.

2. Chủ tọa Đại hội trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và có liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp hay giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, hay đã được quy định trong pháp luật hoặc nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

3. Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung đại hội sẽ được Tổ thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của công ty.

4. Các câu hỏi không kịp trả lời trong Đại hội do thời gian có hạn, cũng sẽ được trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty.

Điều 8: Biểu quyết tại đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng **Phiếu biểu quyết** theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết;

- Mỗi cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu của Công ty.

2. Thể lệ biểu quyết

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết, thông qua mỗi nội dung bằng cách giơ phiếu.

- Quy định biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết: Việc thông qua biểu quyết các nội dung trên được Chủ tọa hướng dẫn tiến hành giơ Phiếu biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

- Các nội dung thông qua Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết:

+ Báo cáo kết quả thực hiện công tác sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch, phương hướng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021;

+ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2020 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021;

+ Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;

+ Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021;

+ Báo cáo hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2021;

+ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021;

+ Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;

+ Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Ban hành Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

+ Và một số nội dung quan trọng khác thuộc thẩm quyền Đại hội cổ đông.

3. Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:

a) Các vấn đề được biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

b) Riêng các nội dung chỉ được thông qua khi đạt tỷ lệ ít nhất 65% tổng số cổ phần

biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội gồm:

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Thông qua Ban hành Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

Điều 9: Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội.

2. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua bằng hình thức biểu quyết trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 10: Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 2 của Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai phải được tiến hành trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp lần thứ nhất.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần hai được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự họp ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do Điều lệ Công ty quy định.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên của điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến tiến hành. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông tới dự họp.

Điều 11: Điều khoản thi hành

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên năm 2021 gồm có 11 Điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân theo các quy định pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đỗ Hữu Phước

QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ KIỂM SOÁT VIÊN
NHIỆM KỲ 2021-2026
TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

I. ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và Quy chế này, cụ thể như sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 5 công ty khác nhau.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đáp ứng các điều kiện như sau:

d) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

e) Không phải người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

f) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

g) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết và có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị.

- Từ 8% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Từ 10% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai (02) ứng viên;

- Từ 30% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba (03) ứng viên;

- Từ 40% đến dưới 50% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử bốn (04) ứng viên;

- Từ 50% đến dưới 60% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử năm (05) ứng viên;

- Từ 60% đến dưới 70% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử sáu (06) ứng viên;

- Từ 70% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ ứng viên;

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị

- Đơn đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông/Nhóm cổ đông (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);

- Bản sao CMND, Hộ chiếu (nếu là Việt kiều, người nước ngoài) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

Điều 5. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các Đơn đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để bầu thành viên Hội đồng quản trị.

II. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Kiểm soát viên

- Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên.

- Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Kiểm soát viên

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

- Kiểm soát viên phải được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty, các thành viên ban kiểm soát còn lại có thể là chuyên trách hoặc kiêm nhiệm;

- Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

- Kiểm soát viên không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Công ty, người đại diện phần vốn của Công ty;

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Pháp luật có liên quan.

Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết và có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.

- Từ 8% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Từ 10% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai (02) ứng viên;

- Từ 30% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba (03) ứng viên;

Trường hợp số lượng các ứng viên kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty.

Điều 9. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu Kiểm soát viên.

- Đơn đề cử, ứng cử Kiểm soát viên của cổ đông/Nhóm cổ đông (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);

- Bản sao CMND, Hộ chiếu (nếu là Việt kiều, người nước ngoài) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

Điều 10. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các Đơn xin đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình Đại hội đồng cổ đông để bầu thành viên kiểm soát viên.

III. BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 11. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 12. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

* Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

* Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số tham dự;

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị/kiểm soát viên theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*);

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu, ký và ghi rõ họ tên.

* **Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức Đại hội, không có dấu của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên;

- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

Điều 13. Phương thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/kiểm soát viên thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/kiểm soát viên;

- Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Điều 14. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

*** Ban Kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu cử;

+ Phát phiếu bầu và hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu;

+ Tiến hành kiểm phiếu;

+ Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

*** Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội;

- Các phiếu bầu sau khi đã kiểm được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Điều 15. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên Kiểm soát viên

- Nguyên tắc bầu dồn phiếu: Theo hướng dẫn quy định tại Phụ lục đính kèm theo Quy chế này.

- Nguyên tắc trúng cử: Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định nhưng phải đạt được số phiếu hợp lệ tương ứng với ít nhất một phiếu bầu của cổ đông dự họp.

Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên Hội đồng quản trị/kiểm soát viên theo dự kiến do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu bầu cao hơn.

Điều 16. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 17. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này gồm có 17 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua./.

**BAN TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT**
(Theo phương thức bầu dồn phiếu)

1. Loại phiếu bầu:

- Phiếu màu xanh: bầu thành viên Hội đồng quản trị
- Phiếu màu vàng: bầu thành viên Kiểm soát viên

2. Bỏ phiếu:

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên được bỏ vào thùng phiếu niêm phong.

3. Ghi phiếu bầu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên.

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn toàn bộ phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

Ví dụ:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 09 thành viên Hội đồng quản trị trong tổng số 09 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$10.000 \text{ cổ phần} \times 9 = \mathbf{90.000 \text{ Phiếu bầu.}}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều số phiếu bầu của mình cho 9 ứng viên (mỗi ứng cử viên nhận được 10.000 phiếu bầu)

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	10.000
2. Ứng viên 2	10.000
3. Ứng viên 3	10.000
4. Ứng viên 4	10.000
5. Ứng viên 5	10.000
6. Ứng viên 6	10.000
7. Ứng viên 7	10.000
8. Ứng viên 8	10.000
9. Ứng viên 9	10.000
Tổng số phiếu bầu	90.000

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn toàn bộ phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	0
2. Ứng viên 2	90.000
3. Ứng viên 3	0
4. Ứng viên 4	0
5. Ứng viên 5	0
6. Ứng viên 6	0
7. Ứng viên 7	0
8. Ứng viên 8	0
9. Ứng viên 9	0
Tổng số quyền đã biểu quyết	90.000

Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 9 ứng viên (Nhưng không đều nhau)

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	10.000
2. Ứng viên 2	20.000
3. Ứng viên 3	0
4. Ứng viên 4	5.000
5. Ứng viên 5	5.000
6. Ứng viên 6	10.000
7. Ứng viên 7	10.000
8. Ứng viên 8	15.000
9. Ứng viên 9	15.000
Tổng số quyền đã biểu quyết	90.000

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định, không có dấu của Tập đoàn.
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền). Ví dụ:

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	10.000
2. Ứng viên 2	20.000
3. Ứng viên 3	10.000
4. Ứng viên 4	5.000
5. Ứng viên 5	5.000
6. Ứng viên 6	10.000
7. Ứng viên 7	10.000
8. Ứng viên 8	10.000
9. Ứng viên 9	20.000
Tổng số quyền đã biểu quyết	100.000

- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử

Số: /BC-HĐQT- NTC

Bình Dương, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP KCN Nam Tân Uyên.

Hội đồng Quản trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động, công tác quản trị của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần KCN Nam Tân Uyên trong năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020

1. Tình hình tổ chức sản xuất kinh doanh

- Năm 2020 là một năm có nhiều khó khăn thách thức do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19 nhưng với sự nỗ lực, đoàn kết, quyết tâm của tập thể cán bộ người lao động Công ty đã góp phần thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với kết quả mang lại hết sức khả quan, tổng doanh thu vượt 13,82% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế vượt 22,73% kế hoạch, tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ đạt 121,23%, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	418.384.517.500	476.214.771.467	113,82
2	Tổng chi phí	138.384.805.149	130.816.743.038	94,53
3	Lợi nhuận trước thuế	279.999.712.351	345.398.028.429	123,36
4	Thuế TNDN phải nộp	42.941.664.807	54.452.762.668	126,81
5	Lợi nhuận sau thuế	237.058.047.544	290.945.265.761	122,73
6	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	148,16% (VĐL 160 tỷ)	121,23% (VĐL 240 tỷ)	

- Về công tác cho thuê lại đất: do quỹ đất của KCN hiện hữu không còn, dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 chưa được UBND Tỉnh Bình Dương giao cho thuê đất nên trong năm qua công ty đã tập trung mời gọi cho thuê đối với diện tích đất dịch vụ còn lại, kết quả đã cho thuê thêm được 2,07 ha đất dịch vụ với giá cho thuê dao động từ 150 □ 195 USD/m². Bên cạnh đó công ty đã tích cực thu hút cho thuê đối với các nhà xưởng xây sẵn và đã cho thuê được 16.911 m² nhà xưởng, qua đó góp phần giúp kết quả doanh thu của năm 2020 đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

2. Tình hình thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020

Bên cạnh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

+ Thực hiện trả đầy đủ cổ tức năm 2019 cho cổ đông với tổng tỷ lệ 100% / vốn điều lệ.

+ Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 160 tỷ đồng lên 239,999 tỷ đồng.

+ Thực hiện thanh toán cho Công ty CP Cao su Phước Hòa khoản tiền hỗ trợ thiệt hại kinh tế do thanh lý sớm vườn cây cao su.

+ Lựa chọn công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) trong số ba đơn vị đơn vị kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông thông qua để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

+ Với các nội dung liên quan đến Dự án Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng Giai đoạn 2 và chuyển niêm yết cổ phiếu từ UpCOM sang HOSE hiện chưa triển khai được do Công ty chưa được UBND Tỉnh giao thuê đất và tình trạng hệ thống HOSE thường xuyên bị nghẽn lệnh trong thời gian qua.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2020:

1. Về nhân sự

Tại kỳ đại hội năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thống nhất giữ nguyên cơ cấu HĐQT với số lượng là 04 thành viên đến hết nhiệm kỳ 2016 – 2021. Các thành viên HĐQT gồm 01 Chủ tịch, 02 Thành viên HĐQT và 01 Thành viên HĐQT điều hành:

- Ông Đỗ Hữu Phước - Chủ tịch HĐQT;
- Ông Huỳnh Kim Nhật - Ủy viên HĐQT;
- Bà Nguyễn Thị Phi Nga - Ủy viên HĐQT;
- Ông Hà Trọng Bình - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty.

2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2020

- Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã tiến hành họp 6 phiên và thực hiện các lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 23 nghị quyết, quyết định để chỉ đạo các công tác điều hành hoạt động của Công ty:

- + Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB năm 2020;
- + Thông qua kế hoạch mua sắm năm 2020;
- + Tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- + Kiện toàn nhân sự lãnh đạo cấp cao của công ty bao gồm bổ nhiệm mới một chức danh Phó Tổng Giám đốc và thực hiện quy trình bổ nhiệm lại một chức danh Phó Tổng Giám đốc;
- + Chỉ đạo việc thực hiện quyết toán dự án hoàn thành các dự án của công ty.

- Hội đồng quản trị luôn bám sát và cùng với Ban điều hành tích cực làm việc với các cơ quan có thẩm quyền tỉnh Bình Dương để đề nghị được giao thuê đất KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2. Về thủ tục của dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 đến nay, UBND tỉnh Bình Dương đã có các Quyết định số 443/QĐ-UBND và Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 v/v thu hồi đất của công ty CP Cao su Phước Hòa và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư đợt 1 để thực hiện dự án Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II; ngày 20/8/2020, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 2378/QĐ-UBND về việc thành lập KCN Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn II). Hiện nay, Công ty đã nộp đầy đủ các hồ sơ xin thuê đất (nộp ngày 04/9/2020) cho Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở trình UBND tỉnh Bình Dương cho thuê đất.

3. Đánh giá chung hoạt động của HĐQT Công ty

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác quản trị công ty một cách cẩn trọng, nghiêm túc và quyết liệt, tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ và quy chế tổ chức hoạt động của Công ty.

- Tập thể Hội đồng quản trị luôn đoàn kết, làm việc dân chủ, luôn bàn bạc để đi đến thống nhất cao các chủ trương, nghị quyết; đồng thời phối hợp tốt với bộ máy điều hành để giải quyết công việc một cách hiệu quả nhất.

- Tất cả các thành viên HĐQT đều có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò và nhiệm vụ của mình để giúp HĐQT thực hiện tốt vai trò định hướng phát triển của công ty.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021:

Trong năm 2021, bên cạnh những thuận lợi nhất định như vị trí thuận lợi như Công ty đã tạo dựng được uy tín, có thương hiệu trong ngành phát triển hạ tầng KCN, có khả năng phát triển mở rộng khu công nghiệp thì còn có một số khó khăn, thách thức do quỹ đất cho thuê của các KCN hiện hữu không còn, KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 vẫn đang chờ địa phương giao đất và những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Diện tích cho thuê	:	90 ha
- Tổng doanh thu	:	472,08 tỷ đồng
- Tổng chi phí	:	205,01 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	267,07 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	226,77 tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL	:	94,49%

Để hoàn thành các mục tiêu nêu trên, Hội đồng quản trị đã đề ra các giải pháp hoạt động như sau:

- Hội đồng quản trị sẽ quyết liệt và tập trung đề cùng với Ban điều hành tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền tỉnh Bình Dương để dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 sớm được thuê đất làm cơ sở thực hiện kế hoạch SXKD và KHĐT-XDCB như tài liệu trình ĐHCĐ thông qua.

- Đề ra các chủ trương, định hướng kịp thời, phù hợp để Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cũng như tổ chức triển khai thực hiện đầu tư các dự án của Công ty theo hướng hiệu quả nhất.

- Chỉ đạo sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả trong công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản.

- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư để làm cơ sở triển khai thực hiện đầu tư Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II ngay sau khi được tỉnh Bình Dương quyết định cho thuê đất.

- Chỉ đạo Ban điều hành đề xuất, xây dựng phương án kinh doanh phù hợp cho KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2; tiếp tục làm tốt công tác tiếp thị, tăng cường công tác quảng bá thương hiệu để thu hút các nhà đầu tư vào khu công nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát điều chỉnh, xây dựng mới các quy trình quản lý nội bộ phù hợp với các quy định mới nhằm để công tác quản lý, điều hành ngày càng hiệu quả, minh bạch.

- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động với Ban kiểm soát để kịp thời đề ra các giải pháp điều hành phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty đồng thời đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành nghiêm túc thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 cũng như đề ra các kịch bản, giải pháp phù hợp với thực tiễn nhằm ứng phó hiệu quả với tình hình dịch bệnh, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Hữu Phước

Số: /BC-NTC

Bình Dương, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020
Và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP KCN NAM TÂN UYÊN

Công ty CP KCN Nam Tân Uyên xin báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020 tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh, lây lan chưa có hồi kết trên phạm vi toàn cầu làm trầm trọng thêm suy thoái, khủng hoảng kinh tế thế giới, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước cũng như tình hình thu hút đầu tư của Công ty, tình hình hoạt động của các DN đang hoạt động trong KCN. Đồng thời, trong năm tình hình thiên tai, lũ lụt nặng nề ở các tỉnh miền Trung càng làm đời sống CB-NV, người lao động đang làm việc trong KCN thêm khó khăn, thách thức.

Trước tình hình đó, Ban điều hành đã có những giải pháp kịp thời để giải quyết khó khăn, phòng chống tốt dịch bệnh đảm bảo sức khỏe cho Người lao động, ủng hộ trợ giúp khó khăn cho các gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, ổn định hoạt động chung của Công ty và có những đề xuất với HĐQT để hỗ trợ cho một số DN gặp khó khăn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

Tuy ảnh hưởng bởi những khó khăn khách quan, nhưng kế thừa kết quả kinh doanh tích cực từ các năm trước, năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty cũng đạt được nhiều kết quả khả quan. Kết thúc năm, tổng doanh thu đạt 476,21 tỷ đồng (113,82% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế đạt 290,95 tỷ đồng (122,73% kế hoạch) và tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ đạt 121,23%. Sau đây là một số kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2020:

1. Về kinh doanh cho thuê lại đất và nhà xưởng:

a. Cho thuê lại đất:

Dự án	KH 2020 (đ/c)	Thực hiện năm 2020	% KH 2020 đ/chính	Lũy kế cho thuê đầu dự án	Tổng đất TP&DV cho thuê
-------	---------------	--------------------	-------------------	---------------------------	-------------------------

	(ha)	Slg	(ha)	Giá b/q (USD)	(%)	Slg	(ha)	(ha)
NTC-1	1,2	3	1,79	180,00		122	230,54	241,04
NTC-2		2	0,28	180,21		105	216,22	223,51
Tổng	1,2	5	2,07		172,5%	227	446,76	464,55

b. Cho thuê nhà xưởng:

Dự án	KH 2020	Thực hiện năm 2020		Tỷ lệ t/h KH 2020	Lũy kế đầu dự án		Tỷ lệ lắp đầy
	(m ²)	Slg	(m ²)	(%)	Slg	DT (m ²)	(%)
Nhà xưởng 1	10.000	3	8.272		17	36.957	94,27%
Nhà xưởng 2		1	8.639		02	20.456	100%
Tổng cộng	10.000	3	16.911	169,11	19	57.413	

c. Giá cho thuê bình quân:

Dự án	Đơn vị tính	Giá cho thuê b/quân năm 2020	Giá cho thuê b/quân lũy kế đầu dự án
1/ NTC-1:			
- Thanh toán 01 lần (đất CN)	USD/m ²	-	47,49
- Thanh toán 01 lần (đất DV)	USD/m ²	180	96,64
- Thanh toán hàng năm	USD/m ² /năm	-	2,61
- Phí quản lý	USD/m ² /năm	0,6	0,47
2/ NTC-2:			
- Thanh toán 01 lần (đất CN)	USD/m ²	-	47,85
- Thanh toán 01 lần (đất DV)	USD/m ²	180,21	81,70
- Thanh toán hàng năm	USD/m ² /năm	-	3,20
- Phí quản lý	USD/m ² /năm	0,6	0,50
3/ Nhà xưởng số 1	USD/m ² /tháng	3,1	2,54
4/ Nhà xưởng số 2	USD/m ² /tháng	3,6	3,02

d. Đánh giá chung:

- Về công tác cho thuê lại đất: trong năm khi quỹ đất KCN đã hết, tận dụng nguồn đất dịch vụ trống còn lại với nhu cầu đa dạng ngành nghề dịch vụ phục vụ cho KCN, Công ty đã mời gọi và cho thuê thêm 2,07 ha đất dịch vụ (đạt 172,5%) và giá cho thuê dao động từ 150 ~ 195 USD/m², cao gấp 1,5 lần so với thời điểm trước đó. Trong thời gian tới, Công ty vẫn sẽ tiếp tục hướng đến thu hút đầu tư đối với đất hành chính–dịch vụ nhằm đáp ứng các dịch vụ tiện ích cho các doanh nghiệp đang hoạt động trong khi chờ dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II (NTC-3) hoàn thiện hồ sơ pháp lý để có thể cho thuê.
- Về nhà xưởng cho thuê, năm 2020 Công ty đã cho thuê lấp đầy nhà xưởng số 2, 94,27% nhà xưởng số 1; trong năm 2021 sẽ tiếp tục mời gọi đầu tư đối với những nhà xưởng đến hạn trả lại và chọn lọc các dự án đầu tư với ngành nghề sạch, công nghệ cao, tài chính mạnh theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

2. Về tài chính:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch 2020	T/h năm 2020	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu (DT)	418.384.517.500	476.214.771.467	113,82
	<i>DT hoạt động kinh doanh</i>	<i>233.933.828.593</i>	<i>263.563.247.378</i>	<i>112,67</i>
	<i>DT hoạt động tài chính</i>	<i>182.378.909.207</i>	<i>208.910.437.729</i>	<i>114,55</i>
	<i>Thu khác</i>	<i>2.071.779.700</i>	<i>3.741.086.360</i>	<i>180,57</i>
2	Tổng chi phí (CP)	138.384.805.149	130.816.743.038	94,53
	<i>CP hoạt động kinh doanh</i>	<i>125.076.295.283</i>	<i>128.089.172.210</i>	<i>102,41</i>
	<i>CP hoạt động tài chính</i>	<i>11.649.720.816</i>	<i>369.845.371</i>	<i>3,17</i>
	<i>CP khác</i>	<i>1.658.789.050</i>	<i>2.357.725.457</i>	<i>142,14</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	279.999.712.351	345.398.028.429	123,36
4	Thuế TNDN phải nộp	42.941.664.807	54.452.762.668	126,81
5	Lợi nhuận sau thuế	237.058.047.544	290.945.265.761	122,73
6	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	148,16% <i>(VĐL 160 tỷ)</i>	121,23% <i>(VĐL tăng 240 tỷ)</i>	

b. Nộp ngân sách Nhà nước:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	KH năm 2020	T/hiện năm 2020	Tỷ lệ %
01	Thuế GTGT	22.047.000.000	32.054.328.455	145,39
02	Thuế Thu nhập DN	55.915.591.135	55.915.591.135	100,00
03	Thuế Thu nhập cá nhân	0	3.219.819.288	
04	Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000	100,00
05	Tiền thuê đất NN	47.786.598.265	47.786.598.265	100,00
	Tổng cộng	125.752.189.400	138.979.337.143	110,52

c. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

ĐVT: đồng

Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, phụ cấp 2020	
		Chuyên trách	Không chuyên trách
Ông Trần Công Kha	Nguyên CT HĐQT		37.000.000
Ông Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch HĐQT		50.000.000
Bà Nguyễn Thị Phi Nga	Ủy viên HĐQT		44.000.000
Ông Huỳnh Kim Nhựt	Ủy viên HĐQT		44.000.000
Ông Hà Trọng Bình	Tổng giám đốc	713.805.666	
Ông Huỳnh Hữu Tín	Phó Tổng Giám đốc	616.388.039	
Ông Trần Văn Bính	Phó Tổng Giám đốc	488.952.966	
Ông Bò Thanh Tuấn	Kế toán trưởng	561.359.904	
Bà Nguyễn Thị Triều Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	509.676.441	
Ông Trịnh Thế Sơn	Thành viên BKS		33.000.000
Bà Nguyễn Thị Diệu	Thành viên BKS		33.000.000

3. Về đầu tư bên ngoài:

Stt	Tên công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số tiền thực góp (tỷ đồng)	Kế hoạch cổ tức	
					Năm 2020 (%)	Năm 2021 (%)
1	Cty CP KCN Bắc Đồng Phú	100	40	40	22	22
2	Cty CP KCN CS Bình Long	120	36,66	43,99	50	30
3	Cty CP Cao su Trường Phát	50	20	10	0	0
4	Cty CP Thủy Điện VRG Đắc Nông	297,73	12,07	35,93	0	0
5	Cty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	690	9,02	91	Tối thiểu 20	chưa có
6	Cty CP KCN Tân Bình	160	15	24	80	Tối thiểu 30
7	Cty CP KCN Dầu Giấy	120	22,17	28,85	45	50
8	Cty CP KCN An Điền	100	7,5	7,5	0	20
9	Cty CP Thủy Điện Geruco Sông Côn	374,92	2,16	13,45	0	chưa có
10	Cty TNHH CN&ĐT Nam Tân Uyên	400	20	80	0	chưa có
	Tổng cộng			374,72		

4. Về công tác đầu tư xây dựng:

Tổng vốn XDCCB thực hiện trong năm 2020 là **48,25 tỷ đồng**, đạt 94,67 % kế hoạch năm 2020 điều chỉnh, một số công tác chính như sau:

- Tại KCN Nam Tân Uyên (NTC-1): thực hiện Trồng cây xanh tập trung dọc đường D7 khi qua mùa nắng.
- Tại KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn I (NTC-2): thi công và quyết toán các gói thầu bê tông nhựa lớp 2 các tuyến đường còn lại, Nhà ăn Đội bảo vệ, Xây nhà làm việc Đội bảo vệ kết hợp PCCC + công, hàng rào + sân vườn, hạ tầng kỹ thuật; lập hồ sơ thi công Lễ bộ hành các tuyến đường còn lại, Cổng chào KCN và mua xe PCCC.
- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II (NTC-3) 345,86 ha: UBND tỉnh Bình Dương đã duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư đợt 1 và Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án; Lập các thủ tục phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức đấu thầu, báo cáo đánh giá lựa chọn nhà thầu, báo cáo thẩm định, ký hợp

đồng Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các gói thầu hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải phần còn lại; Lễ bộ hành, hồ điều hòa, mương thoát nước; Hệ thống điện chiếu sáng.

- Khu nhà ở KCN Nam Tân Uyên mở rộng 19,5 ha: Điều chỉnh hồ sơ sau khi bỏ sung ngành nghề Đầu tư kinh doanh Khu dân cư trình Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.
- Nhà xưởng cho thuê số 2: thực hiện thi công và quyết toán các gói thầu: Nhà xưởng chính, giám sát thi công nhà xưởng B1.

5. Về niêm yết cổ phiếu NTC từ UpCOM sang HOSE:

Tháng 12/2020, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Công ty tiếp tục triển khai việc niêm yết cổ phiếu NTC từ UpCOM sang HOSE. Tuy nhiên vào thời điểm này, lệnh mua, bán cổ phiếu của nhà đầu tư vào hệ thống HOSE thường xuyên bị nghẽn, một số mã cổ phiếu đã chuyển giao dịch từ sàn HOSE sang HNX. Trước sự cố thường xuyên nghẽn lệnh tại sàn HOSE, Công ty đã tạm hoãn việc chuyển giao dịch từ UpCOM sang HOSE đối với cổ phiếu NTC.

6. Các công tác khác:

- Tổng số lao động Công ty đến cuối năm 2020 là 143 người (tăng 02 người so với cùng kỳ năm 2019), thu nhập bình quân đạt 17,96 triệu đồng/người/tháng.
- Về đất đai: tiếp tục thực hiện thủ tục điều chỉnh tiền thuê đất Nhà nước từ trả hàng năm sang trả 01 lần cho các DN thuê lại đất. Hoàn chỉnh hồ sơ, bàn giao Giấy CNQSDĐ cho 102 DN tại NTC-1 và 97 DN tại NTC-2. Tiếp tục theo dõi xử lý hồ sơ NTC-3.
- Về công tác bảo vệ môi trường: luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong KCN, thường xuyên kiểm tra và kiểm soát chặt chẽ công tác xả nước thải, khí thải, chất thải của các doanh nghiệp; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng giải quyết các vi phạm về môi trường xảy ra cũng như giải quyết triệt để các khiếu kiện về môi trường giữa các doanh nghiệp trong KCN.
- Về công tác xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN: thường xuyên theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị tại 02 Nhà máy xử lý đảm bảo hệ thống xử lý luôn vận hành ổn định và liên tục. Lưu lượng nước thải bình quân trong năm là 2.800 m³/ngày.đêm tại NTC-1 và 950 m³/ngày.đêm tại NTC-2. Kết quả quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương chứng nhận chất lượng nước thải sau xử lý của 02 Nhà máy đều đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép (cột A QCVN 40:2011/BTNMT).
- Về công tác bảo vệ ANTT trong KCN: năm 2020, tình hình ANTT diễn biến phức tạp, tình hình thiên tai và dịch bệnh ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của các DN, tỷ lệ tội phạm gia tăng, thanh niên công nhân tụ tập, lập thành băng nhóm quậy phá, đánh nhau, tình trạng đình công vẫn còn xảy ra làm ảnh hưởng đến đời sống công nhân lao động. Trong năm, có 97 vụ việc xảy ra (tăng 09 vụ so với cùng kỳ năm 2019) gồm 27 vụ tai

nạn giao thông, 05 vụ tranh chấp lao động, 05 vụ cướp giật, 07 vụ trộm cắp, 01 vụ chiếm đoạt tài sản, 14 vụ gây rối đánh nhau, 01 vụ đuối nước, 02 vụ vi phạm môi trường và phòng ngừa ngăn chặn 35 vụ. Tất cả các vụ việc xảy ra đều được xử lý kịp thời, bắt giữ 115 đối tượng, tạm giữ 02 xe ô tô, 66 xe máy, 13 hung khí các loại; trong đó chuyển cơ quan chức năng xử lý 83 vụ và xử lý tại chỗ 14 vụ.

- Về công tác PCCN: Trong năm xảy ra 06 vụ cháy nhưng đã được phát hiện và xử lý kịp thời không thiệt hại về người, tài sản thiệt hại không đáng kể. Ngoài ra trong năm, Đội PCCC Công ty cũng đã hỗ trợ chi viện Đội Cảnh sát PCCC TX.Tân Uyên chữa 05 vụ cháy xảy ra trên địa bàn Thị xã và phối hợp diễn tập phương án PCCN cho các DN trong KCN với 32 vụ diễn tập; đồng thời tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC năm 2020 cho toàn thể CB-NV Công ty.
- Về cây xanh: chăm sóc thường xuyên cây xanh, thăm cỏ đã trồng, quét dọn vệ sinh, mặt đường, vỉa hè, các hố ga và các công việc khác khi có phát sinh.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Trên cơ sở các kết quả tích cực đạt được trong năm 2020, dự báo tình hình kinh doanh khả quan khi bắt đầu khai thác cho thuê NTC-3; tiếp tục tranh thủ sự quan tâm, ủng hộ của lãnh đạo Tập đoàn, các ngành, các cấp, trong năm 2021 toàn thể CB-NV công ty quyết tâm phát huy hết khả năng, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, tập trung vào các mặt công tác chính sau:

1. Kế hoạch cho thuê lại đất và nhà xưởng:

- Cho thuê lại đất:
 - + Diện tích cho thuê (theo hợp đồng chính thức): **90 ha**
 - + Giá cho thuê dự kiến **108 USD/m²/THTLĐ** đối với đất công nghiệp và **150 USD/m²/THTLĐ** đối với đất dịch vụ.
 - + Phí quản lý **0,6 USD/m²/năm**.
- Cho thuê nhà xưởng xây sẵn: (từ các nhà xưởng đến hạn trả lại/hủy)
 - + Diện tích cho thuê: từ **6.500 m²**
 - + Giá cho thuê dự kiến từ **3,2 USD/m²/tháng** trở lên

2. Kế hoạch tài chính:

a. Dự kiến kết quả kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu (DT)	476.214.771.467	472.084.000.000	99,13
	<i>DT hoạt động kinh doanh</i>	<i>263.563.247.378</i>	<i>235.435.000.000</i>	<i>89,33</i>

	<i>DT hoạt động tài chính</i>	208.910.437.729	236.649.000.000	113,28
	<i>Thu khác</i>	3.741.086.360	-	0,00
2	Tổng chi phí (CP)	130.816.743.038	205.011.856.000	156,72
	<i>CP hoạt động kinh doanh</i>	128.089.172.210	157.752.856.000	123,16
	<i>CP hoạt động tài chính</i>	369.845.371	47.259.000.000	12.778,04
	<i>CP khác</i>	2.357.725.457	-	0,00
3	Lợi nhuận trước thuế	345.398.028.429	267.072.144.000	77,32
4	Thuế TNDN phải nộp	54.452.762.668	40.301.000.000	74,01
5	Lợi nhuận sau thuế	290.945.265.761	226.771.144.000	77,94
6	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	121,23%	94,49%	77,94

a. Dự kiến nộp ngân sách Nhà nước:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	T/hiện năm 2020	KH năm 2021	Tỷ lệ %
01	Thuế GTGT	32.054.328.455	129.876.738.033	405,18
02	Thuế Thu nhập DN	55.915.591.135	47.918.154.773	85,70
03	Thuế Thu nhập cá nhân	3.219.819.288	2.500.000.000	77,64
04	Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000	100,00
05	Tiền thuê đất NN	47.786.598.265	1.007.978.400.000	2.109,33
	Tổng cộng	138.979.337.143	1.188.276.292.806	855,00

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:

Tổng vốn XD/CB dự kiến thực hiện trong năm 2021 là **146,66 tỷ đồng** với một số công tác chính như sau:

- Tại KCN Nam Tân Uyên (NTC-1): thực hiện Trồng cây xanh tập trung dọc đường D7 khi thời tiết thuận lợi.
- Tại KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn I (NTC-2): thực hiện gói thầu Mua xe PCCC; ký hợp đồng và tổ chức thi công gói thầu Lễ bộ hành các tuyến đường còn lại năm 2020; tiếp tục thi công hoàn thiện, nghiệm thu và quyết toán công trình gói thầu Bảng hiệu KCN.

- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II (NTC-3) 345,86 ha: thiết kế bản vẽ thi công trình Sở xây dựng thẩm định các hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải các tuyến đường còn lại; Hệ thống điện chiếu sáng; Viễn thông; Điện cấp nguồn; Cấp nước và PCCC; Cây xanh.
- Khu nhà ở KCN Nam Tân Uyên mở rộng 19,5 ha: đã trình Sở Xây dựng hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; hiện đã bổ sung cam kết tín dụng của ngân hàng, chi tiết tổng mức đầu tư dự án và công văn giải trình năng lực tài chính để thực hiện dự án theo yêu cầu.

4. Các công tác khác:

- Về lao động – tiền lương: kế hoạch lao động năm 2021 của Công ty là 165 người, quỹ lương dự kiến chi trả là 27,05 tỷ đồng.
- Về đất đai: tiếp tục thực hiện cấp sổ đất để bàn giao cho nhà đầu tư; hoàn thành điều chỉnh cục bộ Giấy CNQSDĐ tại NTC-2 và theo dõi xử lý hồ sơ NTC-3.
- Về công tác bảo vệ môi trường: tiếp tục chú trọng bảo vệ môi trường, kiểm soát chặt chẽ công tác xả thải của các DN, phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết triệt để các vi phạm về môi trường của các doanh nghiệp trong KCN.
- Về xử lý nước thải: tiếp tục vận hành liên tục và ổn định 02 Nhà máy xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý luôn đạt cột A – QCVN 40:2011/BTNMT.
- Về ANTT: tăng cường tuần tra, phối kết hợp với CA, quân sự địa phương các phường giáp ranh để kịp thời ngăn chặn và xử lý các vụ việc xảy ra.
- Về PCCN: thực hiện tốt công tác PCCN, tổ chức đốt cỏ dại mùa khô 2021 và tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC năm 2021 cho Đội PCCC Công ty.
- Cây xanh: tiếp tục chăm sóc tốt cây xanh, các thảm cỏ đã trồng và tăng cường vệ sinh các tuyến đường tại các KCN quản lý.

C. KIẾN NGHỊ:

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty CP KCN Nam Tân Uyên, kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Trọng Bình

DỰ THẢO

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KCN NAM TÂN UYÊN NĂM 2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân;

Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên đã được ban hành theo Quyết định số 35/QĐ-HĐQT-NTC ngày 04/5/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên;

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 với các nội dung như sau:

PHẦN I: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2020

• **Về nhân sự:** Hiện BKS có 3 thành viên như sau:

- + Bà Nguyễn Thị Triều Tiên - Trưởng BKS
- + Bà Nguyễn Thị Diệu - Thành viên BKS
- + Ông Trịnh Thế Sơn - Thành viên BKS

BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách công tác kiểm tra, giám sát theo lĩnh vực công tác phù hợp với điều kiện công tác thực tế. Thường xuyên duy trì chế độ họp định kỳ mỗi quý 01 lần để thống nhất các nội dung báo cáo và kế hoạch hoạt động quý sau.

Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ của BKS được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trong năm 2020 BKS đã thực hiện các nội dung công việc như sau:

• **Công tác giám sát:**

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban điều hành. Trên cơ sở các cuộc họp, ban kiểm soát cũng có các ý kiến đóng góp thuộc thẩm quyền sát với tình hình hoạt động của Công ty.

- Thẩm tra các báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tình trung thực, khách quan, hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách hiện hành. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán đưa ra.

- Theo dõi tiến độ thực hiện các chỉ tiêu của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Nghị quyết của HĐQT và BĐH. Giám sát tình hình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020

- Thường xuyên giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- **Công tác kiểm tra:**

- Tổ chức thẩm định các Báo cáo tài chính năm 2019, Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019;

- Giám sát tình hình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020;

- Giám sát công tác môi trường, xử lý nước thải, đấu nối nước thải và việc ký kết hợp đồng xử lý nước thải với các doanh nghiệp;

- Kiểm tra, giám sát công tác quản lý hành chính, lao động tiền lương năm 2020;

- Giám sát công tác quản lý đất đai;

- Kiểm tra các quy trình thủ tục đầu tư các công trình xây dựng, mua sắm phát sinh trong năm 2020;

- Tổ chức thẩm định các Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020;

- Kiểm tra tình hình đầu tư tài chính: Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết, Các khoản tiền vay, tiền gửi ;

- Kiểm tra kết quả kinh doanh trong năm 2020: Doanh thu, Chi phí và tình hình nộp ngân sách nhà nước và việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án;

- Giám sát việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2021.

- **Đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2020.**

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty để BKS hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao. Đối với cổ đông BKS không nhận một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty cũng như về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Nhìn chung, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty.

I- KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2020

1. Thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.1 Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được thực hiện đầy đủ, trung thực trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết ĐHĐCĐ giao năm 2020, thực hiện như sau:

- Cho thuê lại đất: 2,07 ha/1,2 ha KH (điều chỉnh) - đạt 172,78% KH năm 2020

- Cho thuê nhà xưởng: NTC1 8.272,30 m²/10.000 m² (đạt 94,57%); NTC2 8.638,50 m² (lấp đầy 100%)

Tính đến 31/12/2020 Công ty đã ký 227 hợp đồng thuê đất với các doanh nghiệp trong KCN hiện hữu và NTC mở rộng.

Kết quả sản xuất kinh doanh

DVT: VND

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện 2020	Tỉ lệ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	418.384.517.500	476.214.771.467	113,82
2	Tổng chi phí	138.384.805.149	130.816.743.038	94,53
3	Lợi nhuận trước thuế	279.999.712.351	345.398.028.429	123,36
4	Thuế TNDN phải nộp	42.941.664.807	54.452.762.668	126,81
5	Lợi nhuận sau thuế	237.058.047.544	290.945.265.761	122,73
6	Tỉ suất lợi nhuận/vốn điều lệ	148,16%	116,97%	81,82

Đánh giá: Năm 2020 kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu Nghị Quyết ĐHĐCĐ giao vượt so với kế hoạch cụ thể như sau : Tổng doanh thu đạt 113,82% so với kế hoạch năm. Tổng chi phí thực hiện là 94,53% so với kế hoạch năm, Lợi nhuận sau thuế đạt 122,73%. Tỷ suất lợi nhuận/ vốn điều lệ đạt 81,82% do trong năm có tăng vốn điều lệ (từ 160 tỷ lên 239,99 tỷ). Nhìn chung kết quả kinh doanh năm 2020 khá tốt, vượt kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

1.2 Công tác đầu tư xây dựng:

Năm 2020 Công ty thực hiện đầu tư xây dựng/Kế hoạch: 48.251,05 tỷ/50.968,19 tỷ đồng bằng 94,67% kế hoạch điều chỉnh, cụ thể một số công việc chính như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hạng mục	Kế hoạch điều chỉnh 2020	Thực hiện 2020
A	Đầu tư xây dựng cơ bản	41.968,19	39.251,05
I	Chi phí tư vấn xây dựng	2.682,78	2.494,86
1	Chi phí thiết kế BVTC-Dự toán	859,68	786,22
2	Chi phí thẩm tra TKTC -Dự toán	388,7	380
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá HSDT	146,44	72
4	Chi phí tư vấn giám sát	1.287,96	1.256,64
II	Chi phí thi công xây dựng	37.071,78	34.556,19
III	Chi phí khác	2.213,63	2.200
B	Giải toả đền bù, thuê đất	9.000	9.000
	Cộng (A+B)	50.968,19	48.251,05

Đánh giá chung:

Trong năm 2020, về đầu tư XDCB đơn vị đã thực hiện đạt 94,67 % so với kế hoạch điều chỉnh. Công tác quản lý đầu tư XDCB và đấu thầu được thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Nhà nước quy định, quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình được giám sát chặt chẽ, nghiệm thu quyết toán kịp thời.

1.3 Công tác mua sắm

TT	Phương thức mua sắm	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ thực hiện
1	Mua sắm định kỳ	17.760.307.098	15.414.820.445	86,79%
2	Mua sắm theo mùa vụ	33.162.173.440	22.734.788.354	68,56%
3	Mua sắm nhỏ lẻ	3.431.800.000	1.379.261.748	40,19%
	TỔNG CỘNG	54.354.280.538	39.528.870.547	72,72%

1.4 Công tác môi trường, xử lý nước thải:

+ Công tác xử lý nước thải: Tính đến 31/12/2020 Công ty đã ký 170 hợp đồng xử lý nước thải với các doanh nghiệp thuê đất trong KCN hiện hữu và NTC mở rộng. Kiểm soát chặt chẽ công tác xả thải của các doanh nghiệp, thu gom triệt để các nguồn nước thải phát sinh về Nhà máy XLNT tập trung để xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

+ Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, giải quyết triệt để các vấn đề vướng mắc, khiếu kiện về môi trường của các doanh nghiệp trong KCN.

+ Công tác lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn 2): Đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường ra Quyết định số: 2738/QĐ-BTNMT ngày 07/11/2017 Về việc phê duyệt đánh giá tác động môi trường của dự án” Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng (điều chỉnh từ 288,52ha lên 634,38ha) của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

1.5 Công tác đất đai

- Dự án Nam Tân Uyên hiện hữu:

+ Tình hình sử dụng đất:

- Xây dựng nhà xưởng: 6,37 ha;
- Cho thuê lại đất: 226,44 ha
- Diện tích đất các khu kỹ thuật: 3,31 ha;
- Diện tích cây xanh: 33,73 ha;
- Diện tích đất giao thông: 53,89 ha.

+ Tình hình thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho các doanh nghiệp:

- Đã thực hiện xin cấp Giấy CNQSDĐ: 109 GCN
- Tiếp tục thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ để bàn giao cho các nhà đầu tư còn lại.

- Dự án Nam Tân Uyên mở rộng - giai đoạn 1:

+ Tình hình sử dụng đất:

- Xây dựng nhà xưởng: 2,99 ha;
- Cho thuê lại đất: 215,97 ha
- Diện tích đất các khu kỹ thuật: 2,90ha;
- Diện tích cây xanh: 28,87 ha;
- Diện tích đất giao thông: 32,73 ha.

+ Tình hình thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho các doanh nghiệp:

- Đã thực hiện xin cấp Giấy CNQSDĐ: 100 GCN
- Tiếp tục thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ để bàn giao cho các nhà đầu tư còn lại.

Tính đến 31/12/2020: Công ty bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (do chậm đăng ký biến động) với tổng số tiền là: 56.000.000 đồng.

1.6 Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Số liệu các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là: **1.248.325.798.099 đồng**. Chi tiết như sau:

DVT: VNĐ

TT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	SỐ TIỀN
1	SCB- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Bình Dương	205.049.390.968
2	SHB-Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội-CN BD	400.100.000.000
3	SHB- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hoà Phú	8.173.177.213
4	VCB-Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN Bình Dương	29.000.000.000
5	VietCapital- Ngân hàng TMCP Bản Việt-CN Bình Dương	262.551.285.260
6	BIDV – Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương	65.000.000.000
7	Nam Á – Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Dương	278.451.944.658
TỔNG CỘNG		1.248.325.798.099

1.7 Tình hình đầu tư tài chính dài hạn:

- Số liệu các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2020 là : **123.184.151.063.014 đồng**. Chi tiết như sau:

DVT: VNĐ

TT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	SỐ TIỀN
I	ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN	92.373.063.014
1	Nam Á – Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Dương	92.373.063.014
II	ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT	202.839.900.000
1	Cty CP KCN Bắc Đồng Phú	40.000.000.000
2	Cty CP Cao Su Trường Phát	10.000.000.000
3	Cty CP KCN CS Bình Long	43.989.900.000
4	Cty CP KCN Dầu Giây	28.850.000.000
5	Cty TNHH CN & ĐT Nam Tân Uyên	80.000.000.000
III	ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC	171.878.000.000
1	Cty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	91.000.000.000
2	Cty CP VRG Đắc Nông	35.931.500.000
3	Cty CP KCN An Điền	7.500.000.000
4	Cty CP thủy điện Genruco Sông Côn	13.446.500.000
5	Cty CP KCN Tân Bình	24.000.000.000

- Thu cổ tức từ các đơn vị năm 2020 như sau:

DVT: VNĐ

TT	Diễn giải	Số tiền
1	Công ty Cổ Phần KCN Tân Bình	7.200.000.000
2	Cty CP KCN Cao Su Bình Long	30.792.930.000
3	Cty CP KCN Bắc Đồng Phú	6.800.000.000
4	Công ty Cổ Phần KCN Dầu Giây	10.640.000.000
5	Công ty CP Công Nghiệp An Điền	750.000.000
6	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	18.991.233.600
	Tổng cộng	75.174.163.600

2. Thực hiện Các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

- Về việc phân phối lợi nhuận: Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và chi trả cổ tức năm 2020 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2020: Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, BKS năm 2020 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

- Thực hiện việc tạm ứng cho cổ đông Công ty CP Cao Su Phước Hoà khoản hỗ trợ thiệt hại kinh tế do thanh lý sớm vườn cây cao su với số tiền là 860.141.932.281 đồng (*Tám trăm sáu mươi tỷ một trăm bốn mươi một triệu chín trăm ba mươi hai ngàn hai trăm tám mươi một đồng*) còn lại 4.275.567.719 đồng (*Bốn tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn bảy trăm mười chín đồng*).

- Đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 160.000.000.000 đồng lên 239.999.800.000 đồng.

3. Thẩm định báo cáo tài chính:

3.1 Thẩm định báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty được lập đầy đủ theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam và gửi đúng hạn theo yêu cầu của các cơ quan quản lý. Qua đó giúp cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc nắm thông tin kịp thời để quản lý, điều hành Công ty.

+ **Về công tác hạch toán kế toán:** số liệu và hạch toán kế toán trên báo cáo Tài chính Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cơ bản phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các Quy định của Pháp luật. Các chính sách và phương pháp kế toán được Công ty áp dụng nhất quán.

+ **Về số liệu báo cáo tài chính năm 2020:** Các chỉ tiêu trên bảng CĐKT, Báo cáo KQKD, Báo cáo LCTT được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh BCTC. Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trên BCTC cho thấy các chỉ tiêu trên BCTC được phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

- Với kết quả kiểm tra, thẩm định BKS chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. BKS Công ty thống nhất với số liệu báo cáo tài chính của Công ty năm 2020.

3.2 Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

DVT: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2020	01/01/2020
	Tổng Tài sản	4.448.129.305.994	3.537.557.163.317
A	Tài sản ngắn hạn	1.547.059.687.291	1.484.011.273.263
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	211.919.302.017	541.401.553.308
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.248.325.798.099	733.687.227.703
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	67.421.056.196	190.852.840.040
4	Hàng tồn kho	200.727.152	339.676.852
5	Tài sản ngắn hạn khác	19.192.803.827	17.729.975.360
B	Tài sản dài hạn	2.901.069.618.703	2.053.545.890.054
1	Tài sản cố định	43.815.263.431	33.025.648.974
2	Bất động sản đầu tư	401.600.495.449	398.087.633.187
3	Tài sản dở dang dài hạn	212.987.759.472	54.993.876.011
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	467.090.963.014	535.669.185.260
5	Tài sản dài hạn khác	1.75.575.137.337	1.031.769.546.622
	TỔNG NGUỒN VỐN	4.448.129.305.994	3.537.557.163.317
A	Nợ phải trả	3.764.931.195.553	2.956.963.572.137
1	Nợ ngắn hạn	874.345.992.058	119.922.244.522
2	Nợ dài hạn	2.890.585.203.495	2.837.041.327.615
B	Nguồn vốn CSH	683.198.110.441	580.593.591.180
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	239.999.800.000	160.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	5.750.000.000	5.750.000.000
3	Quỹ đầu tư phát triển	110.134.217.740	166.483.200.299
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	327.314.092.701	248.360.390.881

3.3 Số liệu Các khoản vay đến 31/12/2020:

TT	DANH MỤC VAY	SỐ TIỀN
1	Quỹ Bảo Vệ Môi Trường Việt Nam	2.838.000.000
2	Ngân hàng CP ngoại thương Việt Nam – CN Bình Dương	594.000.000.000
	Tổng cộng	596.838.000.000

3.4 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2020:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
1	Hệ số bảo toàn vốn			
	Nguồn vốn CSH cuối kỳ/Nguồn vốn CSH đầu kỳ	Lần	1,18	0,98
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	65,22	58,05
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	34,78	41,95
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	84,64	83,63
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	15,36	16,32
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,77	12,37
	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	1,18	1,20
	Khả năng thanh toán lãi vay (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay)	Lần	2.547,18	934,35
4	Hiệu quả hoạt động			
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	%	6,54	6,68
	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	110,39	121,31
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	121,23	146,88

- Tính đến thời điểm 31/12/2020, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của Công ty. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và ngày càng phát triển.

- Về Hệ số bảo toàn vốn, năm 2020 tăng so với năm 2019 và đạt 1,18 lần cho thấy vốn chủ sở hữu năm 2020 được bảo tồn và phát triển so với năm 2019. Điều

này cho thấy Ban Lãnh đạo Công ty đã quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả.

- Về Cơ cấu nguồn vốn, chỉ tiêu Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn bằng 84,64% chủ yếu là phần doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện/Nợ phải trả bằng 98,84%.

- Về các chỉ số khả năng thanh toán, các chỉ tiêu thanh toán đều được cải thiện và thể hiện doanh nghiệp luôn đủ khả năng thanh toán các món nợ tới hạn.

- Về các chỉ số hiệu quả hoạt động, tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản, LN sau thuế/doanh thu thuần và LN sau thuế/Vốn điều lệ năm 2020 tuy có suy giảm so với năm 2019 do năm 2020 Công ty có phát hành tăng vốn điều lệ. Tuy nhiên các chỉ tiêu hiệu quả vẫn thể hiện vượt trội so với trung bình các ngành khác

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, tổng số nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm 2020 là 138.979.337.143 đồng.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả giám sát đối với HĐQT

- Trong năm 2020 HĐQT đã duy trì các cuộc họp thường kỳ đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp theo quy định, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua với sự nhất trí cao của các thành viên.

- Các thành viên HĐQT luôn bám sát, chỉ đạo sâu sát mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty, với tinh thần làm việc đoàn kết, đưa ra nhiều giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của công ty để sản xuất kinh doanh, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020, mang lại hiệu quả thiết thực, đảm bảo lợi ích của Công ty và của cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng theo quyền hạn, chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã họp 5 lần và ban hành 28 Nghị quyết, Quyết định liên quan đến công tác điều hành, chế độ chính sách, tổ chức nhân sự....

- Các Nghị quyết của HĐQT được Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Ban Tổng giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển theo kế hoạch đã đề ra.

Đánh giá chung : Qua việc xem xét các Nghị Quyết của HĐQT, Ban kiểm soát nhận thấy các quyết định của HĐQT đều hướng đến lợi ích chung của Công ty, đảm bảo vai trò định hướng phát triển của Công ty và theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ.

2. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám Đốc

- Qua công tác giám sát, BKS nhận thấy hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty đã theo sát và triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT.

- Ban Tổng giám đốc đã duy trì họp giao ban hàng tháng, họp bất thường khi có vấn đề phát sinh, kịp thời đưa ra các chỉ đạo, giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong điều hành, quản lý.

- Trong năm 2020 Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp Công ty duy trì hoạt động có lãi, trả cổ tức cho cổ đông cao, tạo việc làm và đảm bảo đời sống cho CB-CNV.

- Ban điều hành chỉ đạo thực hiện nghiêm túc về việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các qui định Pháp luật.

- Ban điều hành đã chỉ đạo về việc sắp xếp, tuyển dụng nhân sự hợp lý, đúng người đúng việc và bồi dưỡng nhân sự, hàng tháng có đánh giá xếp loại để động viên, khuyến khích người lao động.

Dánh giá chung: Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Ban điều hành đã ban hành các quyết định, tờ trình theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Ban TGD; Công bố thông tin cho cổ đông.

- BKS đã tham gia tất cả các cuộc họp thường kỳ của HĐQT. Qua đó nắm vững các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định. BKS đã nhận được đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các tài liệu về tình hình hoạt động, tài chính của Công ty. Các phòng ban công ty cũng đã phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu góp phần để hoạt động của BKS đạt kết quả tốt.

- Các thông tin cơ bản về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty đều được đăng tải công khai trên trang Web của Công ty và kịp thời gửi cho các cơ quan chức năng theo đúng quy định.

- Từ sau kỳ Đại hội cổ đông thường niên đến nay BKS không nhận được bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến các chức danh HĐQT và Ban TGD Công ty.

III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Để thực hiện tốt nhiệm vụ của BKS theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trong công tác kiểm tra, giám sát nhằm phòng ngừa sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp giữa Ban điều hành và BKS nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của BKS theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ công tác môi trường, cần rà soát lại các doanh nghiệp đủ điều kiện để ký hợp đồng xử lý nước thải tránh gây thất thoát thiệt hại cho Công ty.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ công tác sử dụng đất theo đúng quy hoạch chi tiết đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt.

- Tiếp tục kiểm tra việc xả thải của các doanh nghiệp thuê lại đất trong KCN đảm bảo tuân thủ các quy định về môi trường theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác xử lý nước thải cho các doanh nghiệp theo hợp đồng đã ký kết đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ chi phí quản lý, công tác quản lý công nợ, kịp thời theo đúng quy định.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ công tác đầu tư xây dựng cơ bản, thanh quyết toán kịp thời các công trình, đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu các công trình đưa vào sử dụng, chọn nhà thầu theo các quy định pháp luật hiện hành.

IV- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Quyết định, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị năm 2021. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty.

- Thực hiện các chương trình kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của HĐQT.

• Công tác kiểm tra theo chuyên đề:

- Quý I năm 2021:

+ Tổ chức thẩm định các Báo cáo tài chính năm 2020, Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020. Chuẩn bị Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

+ Tiếp tục rà soát hồ sơ pháp lý dự án KCN mở rộng giai đoạn II và dự án khu nhà ở khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng;

- Quý 2 năm 2021:

+ Giám sát tình hình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021;

+ Giám sát công tác môi trường, xử lý nước thải, việc ký kết hợp đồng xử lý nước thải với các doanh nghiệp.

- Quý 3 năm 2021:

+ Tổ chức thẩm định các Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021;

+ Kiểm soát hoạt động đầu tư XDDB: Các quy trình, thủ tục đầu tư XCDB; mua sắm phát sinh trong năm.

+ Giám sát việc xây dựng và thực hiện các quy định trong quản lý nội bộ của công ty. Giám sát việc ký kết các hợp đồng lao động, công tác tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động.

- Quý 4 năm 2021:

+ Rà soát việc ký kết các hợp đồng cho thuê lại đất;

+ Kiểm tra tình hình đầu tư tài chính: Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết, Các khoản tiền vay, tiền gửi trong năm.

+ Kiểm tra kết quả kinh doanh trong năm 2020: Doanh thu, Chi phí và tình hình nộp ngân sách nhà nước và việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án.

+ Giám sát việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2022.

+ Công tác tài chính: kiểm soát chi phí và chứng từ thu chi, công tác thống kê, lập báo cáo;

+ Kiểm soát hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS Công ty cổ phần KCN Nam Tân Uyên. BKS trân trọng cảm ơn HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ đã phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- Lưu: VT, BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

**CÔNG TY CP
KCN NAM TÂN UYÊN**

Số: 04 /TTr-BKS- NTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP KCN Nam Tân Uyên

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Ban Kiểm soát Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên kính trình Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chọn 01 trong các đơn vị được đề xuất để thực hiện công việc kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 cho Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).
3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(đã ký)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: BKS

Nguyễn Thị Triều Tiên

TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP KCN Nam Tân Uyên

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP KCN Nam Tân Uyên;

Hội đồng Quản trị Công ty CP KCN Nam Tân Uyên kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020:

a. Kết quả SXKD:

TT	Nội dung	Kết quả
1	Tổng doanh thu	476.214.771.467
2	Tổng chi phí	130.816.743.038
3	Lợi nhuận trước thuế	345.398.028.429
4	Thuế TNDN phải nộp	54.452.762.668
5	Lợi nhuận sau thuế	290.945.265.761
6	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	121,23%

b. Phân phối lợi nhuận:

- Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang: 132.368.826.940 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: 290.945.265.761 đồng
- + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020: 8.718.938.267 đồng
- + Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp 275.358.171 đồng
- + Trích quỹ đầu tư phát triển: 29.094.526.576 đồng
- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ: 385.225.296.687 đồng
- Chia cổ tức năm 2020: 239.999.880.000 đồng

(tương đương 100% VDL 239.999.800.000 đồng)

- Gồm: + Đã tạm ứng (60% x 160.000.000.000): 96.000.000.000 đồng
- + Tiếp tục chia (60% x 239.999.800.000): 143.999.880.000 đồng
- Lũy kế lợi nhuận chuyển sang năm 2021: 145.225.389.687 đồng

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021: 226.771.144.000 đồng
- Chia cổ tức tối thiểu (60%/VĐL): 143.999.880.000 đồng

Căn cứ vào kết quả lợi nhuận thực hiện năm 2021, sau khi trích lập các quỹ theo quy định. Hội đồng Quản trị sẽ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 trong lần Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : VT.

Đỗ Hữu Phước

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP KCN Nam Tân Uyên

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP KCN Nam Tân Uyên

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên;

Căn cứ Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán đã ban hành kèm theo điều lệ mẫu.

Công ty CP KCN Nam Tân Uyên kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty hiện hành như sau:

- Điều lệ sửa đổi của Công ty CP KCN Nam Tân Uyên được xây dựng dựa trên Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật chứng khoán số 64/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Quy chế bao gồm 21 Chương, 59 Điều, trong đó quy định cụ thể về mục tiêu kinh doanh, vốn, cổ phần, cổ đông sáng lập, cơ cấu tổ chức bộ máy; quy định về cổ đông, đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác .v.v. (đính kèm bản Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung trên website Công ty www.namtanuyen.com.vn)

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi, bổ sung của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các cập nhật, sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định hiện hành, đảm bảo quyền lợi của cổ đông công ty và báo cáo lại trong phiên ĐHĐCĐ gần nhất.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Đỗ Hữu Phước

Số: 35/TTTr-HĐQT-NTC

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế Quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động
của Hội đồng Quản trị Công ty CP KCN Nam Tân Uyên**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP KCN Nam Tân Uyên

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên;

Căn cứ Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán đã ban hành kèm theo điều lệ mẫu.

Hội đồng Quản trị Công ty CP KCN Nam Tân Uyên Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị như sau:

- Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị được xây dựng dựa theo các quy chế mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

- Quy chế quản trị nội bộ gồm 10 Chương, 61 Điều, trong đó, quy định cụ thể về Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị, bộ máy điều hành, Ban Kiểm soát và sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, bộ máy điều hành, ban kiểm soát; cũng như quy định về sự kiểm soát, giao dịch, báo cáo thông tin .v.v.

- Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị gồm 7 Chương, 23 Điều, trong đó, quy định cụ thể về nguyên tắc hoạt động Hội đồng quản trị; tiêu chuẩn điều kiện, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị; mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT, mối quan hệ giữa HĐQT với bộ máy điều hành, Ban Kiểm soát.

(Đính kèm dự thảo Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị trên website Công ty www.namtanuyen.com.vn)

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi, bổ sung của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các cập nhật, sửa đổi Quy

chế quản trị nội, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cập nhật, sửa đổi theo quy định hiện hành, đảm bảo quyền lợi của cổ đông công ty và báo cáo lại trong phiên ĐHĐCĐ gần nhất.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Đỗ Hữu Phước

TỜ TRÌNH
Về Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP KCN Nam Tân Uyên

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP KCN Nam Tân Uyên.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần KCN Nam Tân Uyên như sau:

- Quy chế hoạt động Ban kiểm soát dựa theo mẫu quy chế tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và điều lệ của công ty với 07 Chương, 23 Điều, trong đó, quy định cụ thể về Thành viên ban kiểm soát, Ban kiểm soát, cuộc họp của Ban kiểm soát, báo cáo và công khai lợi ích, mối quan hệ của ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Điều hành Công ty. (Đính kèm dự thảo Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trên website Công ty www.namtanuyen.com.vn).

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi, bổ sung của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Ban kiểm soát Công ty cập nhật, sửa đổi Quy chế hoạt động Ban kiểm soát theo quy định hiện hành, đảm bảo quyền lợi của cổ đông công ty và báo cáo lại trong phiên ĐHĐCĐ gần nhất.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(đã ký)

Nguyễn Thị Triều Tiên

**CÔNG TY CP
KCN NAM TÂN UYÊN**
Số: ...36.../TT-HDQT-NTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Dương, ngày 15 tháng ...6.. năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc hạch toán giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi thanh lý cao su thực hiện dự án Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP KCN Nam Tân Uyên

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);

Căn cứ Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1157/QĐ-TTg ngày 13/09/2018 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn II);

Căn cứ Nghị quyết số 002/NQ-ĐHĐCĐ-NTC ngày 27/06/2019 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty CP KCN Nam Tân Uyên;

Căn cứ Công văn số 379/HĐQTCSVN-KHĐT, ngày 08/07/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam V/v:Thỏa thuận giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi thanh lý cao su thực hiện dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II;

Căn cứ Quyết định 443/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa để thực hiện dự án Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn II);

Căn cứ Quyết định 444/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đợt 1 dự án Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn II) tại phường Uyên Hưng và xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên;

Căn cứ Nghị quyết số 002/NQ-ĐHĐCĐ-NTC ngày 03/06/2020 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP KCN Nam Tân Uyên;

Căn cứ Hợp đồng bồi thường và hỗ trợ thiệt hại số 124/HĐ/CSPH-NTC ngày 10/06/2020 giữa Công ty CP Cao su Phước Hòa và Công ty CP KCN Nam Tân Uyên;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương V/v thành lập khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn II).

Theo Quyết định 1157/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Tổng mức đầu tư của dự án là 871,95 tỷ đồng (trong đó: Chi phí đền bù hỗ trợ, tái định cư là 208,58 tỷ đồng cho tổng diện tích 345,86ha)

Theo Nghị quyết số 002/NQ-ĐHĐCĐ-NTC ngày 03/06/2020 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại kinh tế do thanh lý sớm vườn cây cao su của Công ty CP Cao su Phước Hòa là 864,65 tỷ đồng (tương ứng diện tích 345,86ha).

Để đảm bảo hạch toán chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi thanh lý cây cao su thực hiện dự án Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (giai đoạn II) đúng theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định khác, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bố trí chi phí bồi thường và hỗ trợ thiệt hại khi thanh lý cây cao su cho Công ty Cổ phần Cao Su Phước Hòa; theo đó:

1. Khoản chi phí bồi thường theo Quyết định 444/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đợt 1 dự án đầu tư xây dựng KCN Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn II) với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 159.264.770.926 đồng và đợt 2 là bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích thu hồi đất của 01 hộ dân và khu đất do UBND phường Hội Nghĩa quản lý, tổng diện tích 15.180,6m² sẽ bố trí trong tổng mức đầu tư dự án đã được phê duyệt tại quyết định số 1157/QĐ-TTg ngày 13/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn II).

2. Phần hỗ trợ thiệt hại cho Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa do phải thanh lý sớm vườn cây cao su (bằng tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho Công ty CP Cao su Phước Hòa trừ giá trị bồi thường diện tích vườn cây cao su của Công ty CP Cao su Phước Hòa theo phương án bồi thường của UBND tỉnh) sẽ được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ hàng năm vào giá vốn hàng bán theo quy định tại khoản 1, Điều 47, Thông tư 200/2014/TT-BTC, thời gian phân bổ từ năm phát sinh doanh thu đến hết thời gian hoạt động của dự án và theo nguyên tắc kế toán “Phù hợp” của Chuẩn mực kế toán số 1 “Chuẩn mực chung” ban hành theo Quyết định 165/2002/QĐ-BTC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : VT.

Đỗ Hữu Phước

Số: 37 /TTr-HĐQT-NTC

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp
Nam Tân Uyên và Dự án Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Nam Tân Uyên
mở rộng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 01/7/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 01/01/2021 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5297/QĐ.UBND ngày 24/10/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Nam Tân Uyên;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-HĐQT-NTC ngày 25/05/2011 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng;

Căn cứ Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Tân Uyên và Dự án Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng do Tổng Giám đốc Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên phát hành lần lượt vào các ngày 19/03/2021 và 20/04/2021.

Hội đồng quản trị Công ty CP Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Nam Tân Uyên và Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng trên cơ sở các báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của Công ty và các quy định hiện hành với các nội dung chính như sau:

1. Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Tân Uyên

- Chủ đầu tư: Công ty CP Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên
- Địa điểm xây dựng: Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

- Thời gian khởi công, hoàn thành: từ 2005 – 2020

- Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán
	Tổng số (làm tròn)	335.369.760.000	265.603.340.477
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	18.180.000.000	16.585.586.000
2	Xây dựng	230.798.220.000	220.261.437.413
3	Thiết bị	40.745.000.000	9.790.664.988
4	Quản lý dự án	15.158.380.000	955.491.004
5	Tư vấn đầu tư xây dựng		6.078.084.079
6	Chi phí khác		2.199.532.461
7	Chi phí chuyên giao từ Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa		9.732.544.532
8	Chi phí dự phòng	30.488.160.000	0

- Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

+ Tài sản dài hạn : 245.111.260.249 đồng

+ Tài sản ngắn hạn : 0 đồng

2. Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng

- Chủ đầu tư: Công ty CP Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên

- Địa điểm xây dựng: Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

- Thời gian khởi công, hoàn thành: từ 2010 – 2020

- Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán
	Tổng số (làm tròn)	491.013.000.000	405.721.057.066
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	158.781.000.000	140.950.586.915
2	Xây dựng	246.447.000.000	215.935.019.957
3	Thiết bị	16.200.000.000	29.051.175.359
4	Quản lý dự án	3.093.600.000	4.863.611.705
5	Chi phí khác	21.854.400.000	14.920.663.130
6	Chi phí dự phòng	44.637.000.000	0

- Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

+ Tài sản dài hạn : 382.904.291.130 đồng

+ Tài sản ngắn hạn : 0 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Đỗ Hữu Phước

Số: 38 /TTr-HĐQT-NTC

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thù lao Hội đồng quản trị, thư ký HĐQT và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP KCN Nam Tân Uyên

Căn cứ Điều lệ Công ty CP KCN Nam Tân Uyên;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ-NTC ngày 03/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP KCN Nam Tân Uyên.

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Thư ký HĐQT, Ban kiểm soát trong năm 2020 và dự kiến mức thù lao của Hội đồng quản trị, Thư ký HĐQT, Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

1. Thực hiện năm 2020:

- | | | |
|------------------------------|---|------------------|
| - Hội đồng quản trị, thư ký | : | 126.000.000 đồng |
| - Ban kiểm soát (kiêm nhiệm) | : | 36.000.000 đồng |

2. Dự kiến năm 2021:

- | | | |
|--|---|----------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị | : | 4.000.000 đồng/tháng |
| - Thành viên Hội đồng quản trị | : | 3.000.000 đồng/tháng |
| - Thư ký Hội đồng quản trị | : | 2.000.000 đồng/tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm): | : | 2.000.000 đồng/tháng |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : VT.

Đỗ Hữu Phước

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KCN NAM TÂN UYÊN**

Số: 39/Tr-HĐQT-NTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Thông qua cơ cấu nhân sự và danh sách ứng cử Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát Công ty cổ phần KCN Nam Tân Uyên nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP KCN Nam Tân Uyên;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công ty CP KCN Nam Tân Uyên;

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 kết thúc sau 5 năm tại nhiệm, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, theo quy định của Điều lệ Công ty, kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét việc bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

A. SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN

I. Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên: 05 người;
- Tiêu chuẩn và điều kiện: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020.
 - + Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - + Đối với thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020.

II. Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên: 03 người (theo quy định tại Điều lệ hiện hành của Công ty);
- Tiêu chuẩn và điều kiện: Theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp:
 - + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020.
 - + Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán,

kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của công ty.

+ Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

+ Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

B. DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN HĐQT, BKS

Công ty đã đăng thông báo về việc ứng cử, đề cử đến các quý cổ đông. Tính đến thời hạn ngày 16/06/2021 Công ty đã nhận được các hồ sơ đề cử, ứng cử hợp lệ của các cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện đề cử/ứng cử như sau:

- Quyết định số 153/QĐ-HĐQTCSVN ngày 10/6/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc cử người đại diện vốn Tập đoàn tại Công ty CP KCN Nam Tân Uyên nhiệm kỳ 2021-2026.

- Quyết định số 493/QĐ-CSPH ngày 10/6/2021 của Công ty CP Cao su Phước Hòa về việc cử người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP KCN Nam Tân Uyên.

- Quyết định 1326/QĐ-HĐQT ngày 11/6/2021 của Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG về việc cử đại diện vốn của Công ty, giới thiệu tham gia Hội đồng Quản trị Công ty CP KCN Nam Tân Uyên nhiệm kỳ 2021-2026.

- Quyết định số 500/QĐ-CSPH ngày 14/6/2021 của Công ty CP Cao su Phước Hòa về việc giới thiệu người ứng cử chức vụ Thành viên HĐQT tại Công ty CP KCN Nam Tân Uyên.

- Quyết định số 154/QĐ-HĐQTCSVN ngày 10/6/2021 của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam về việc cử lại nhân sự tham gia Ban kiểm soát Công ty CP KCN Nam Tân Uyên nhiệm kỳ 2021-2026.

- Quyết định số 501/QĐ-CSPH ngày 14/6/2021 của Công ty CP Cao su Phước Hòa về việc cử người tham gia Ban kiểm soát, ứng cử kiêm nhiệm Kiểm soát viên tại Công ty CP KCN Nam Tân Uyên.

- Công văn 422/HĐQTCSVN-TCNS ngày 11/6/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v thỏa thuận giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT, BKS CTCP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Theo quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về thành phần Hội đồng quản trị trong công ty đại chúng, theo đó phải đảm bảo tối thiểu là 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

Trên cơ sở đó, HĐQT Công ty tổng hợp lại danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS Công ty như sau:

I. Hội đồng quản trị:

1. Ông Đỗ Hữu Phước - Chủ tịch HĐQT Công ty CP KCN Nam Tân

- Uyên nhiệm kỳ 2016-2021 - Tái ứng cử;
2. Ông Hà Trọng Bình - Tổng Giám đốc Công ty CP KCN Nam Tân Uyên - Tái ứng cử;
 3. Bà Nguyễn Thị Phi Nga - Thành viên HĐQT Công ty CP KCN Nam Tân Uyên nhiệm kỳ 2016-2021 - Tái ứng cử;
 4. Ông Nguyễn Anh Phú Nguyễn – PGĐ Ban Điều hành KCN Phước Đông – Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG - Ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị;
 5. Ông Trần Hoàng Giang - Kế toán trưởng Công ty CP Cao su Phước Hoà - Ứng cử thành viên độc lập.

Chiếu theo các tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ hợp lệ, tất cả 05 ứng cử viên nêu trên đều đáp ứng yêu cầu để đưa vào danh sách ứng cử HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026. Tổng số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị đã đủ số lượng cần bầu theo Điều lệ Công ty, trong đó số lượng ứng cử viên HĐQT độc lập là 01 người đáp ứng quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

II. Ban kiểm soát.

1. Bà Nguyễn Thị Triều Tiên - Trưởng Ban KS CTCP KCN Nam Tân Uyên nhiệm kỳ 2016-2021 – Tái ứng cử.
2. Ông Trịnh Thế Sơn - Thành viên BKS CTCP KCN Nam Tân Uyên nhiệm kỳ 2016-2021 – Tái ứng cử.
3. Bà Nguyễn Thị Diệu - Thành viên BKS CTCP KCN Nam Tân Uyên nhiệm kỳ 2016-2021 – Tái ứng cử.

Chiếu theo các tiêu chuẩn và điều kiện và hồ sơ hợp lệ, tất cả 03 ứng cử viên nêu trên đều đáp ứng yêu cầu để đưa vào danh sách ứng cử Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021-2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cơ cấu nhân sự và danh sách ứng cử viên HĐQT & BKS nhiệm kỳ 2021-2026 như trên, đồng thời nghiên cứu Quy chế bầu cử, thông tin lý lịch của các ứng cử viên (theo hồ sơ đính kèm) để bầu cử tại Đại hội.

Trân trọng.

<p>Nơi nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Như trên; - Lưu: VT; 	<p>TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH (Đã ký) Đỗ Hữu Phước</p>
---	---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Đỗ Hữu Phước Giới tính: Nam:
2. Ngày tháng năm sinh: 20/12/1968.
3. Nơi sinh: Bình Định.
4. Quốc tịch: Việt Nam.
5. CCCD: 064068000015 do Cục CSĐKQLCT và DLQGVDC cấp ngày 02/02/2016.
6. Hộ khẩu thường trú: 67/53A Hoàng Hoa Thám, Phường 6 Quận Bình Thạnh Tp Hồ Chí Minh.
7. Cơ quan công tác, chức vụ hiện tại: Trưởng Ban XDCB-KCN, Tập đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam
8. Trình độ văn hoá: 12/12.
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật.
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1988 - 2003	Công ty Cao su Chư sê	
2003 - đến nay	Tập đoàn CNCS Việt Nam	

11. Các khoản nợ đối với Công ty : Không
12. Số lượng nắm giữ của những người liên quan : Không
13. Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành : Không
14. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử :

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Đỗ Hữu Phước

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày tháng năm 2021

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN
NHIỆM KỲ 2021 - 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên

Tôi tên: Đỗ Hữu Phước

Ngày tháng năm sinh: 20/12/1968. Nơi sinh: Bình Định.

Hộ khẩu thường trú: 67/53A Hoàng Hoa Thám, Phường 6, Quận Bình Thạnh Tp Hồ Chí Minh.

CCCD số: 064068000015 do Cục CSĐKQLCT và DLQGVCĐ cấp ngày 02/02/2016.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật.

Hiện công tác tại: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

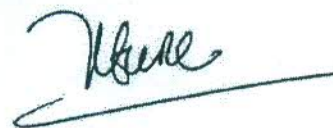
Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu HĐQT tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013 – 2018 tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty HPT.

Xin trân trọng cảm ơn!

ỨNG CỬ VIÊN



Đỗ Hữu Phước

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và Tên : **Nguyễn Thị Phi Nga**
2. Giới tính : Nữ; ngày sinh : 25/11/1970
3. Quốc tịch : Việt Nam
4. Dân tộc : Kinh
5. Quê quán : Bình Dương

6. Địa chỉ thường trú : 570 Ấp Phú Thuận, Xã Phú An, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

7. Trình độ văn hóa : 12/12

8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế kỹ thuật – Đại học Nông lâm - TP.HCM

9. Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 10/1996- 2/2009	Phòng kỹ thuật nông nghiệp -CTCP cao su Phước Hòa	Nhân viên
Từ 2/2009 – 7/2012	Nông trường cao su Lai Uyên, NTCS Vĩnh Bình, Phòng kỹ thuật nông nghiệp – CTCP cao su Phước Hòa	Phó Giám đốc, Phó trưởng phòng
7/2012-4/2015	Nông trường cao su Lai Uyên	Giám đốc
4/2015-8/2018	Công đoàn công ty CP cao su Phước Hòa	Chủ tịch
8/2018- nay	Công ty CP cao su Phước Hòa	Phó Tổng giám đốc công ty, kiêm Chủ tịch công đoàn công ty

10. Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Phước Hòa

11. Các khoản nợ đối với công ty : Không.

12. Số lượng nắm giữ của những người liên quan : Không.

13. Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành :

14. Tổng số cổ phần của cổ đông /nhóm cổ đông đề cử : **5.256.560** tương đương **32,85%**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Thị Phi Nga

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2021

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP KCN NAM TÂN UYÊN

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty CP Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi tên là: **Nguyễn Thị Phi Nga**

Ngày sinh: 25/11/1970 ; Nơi sinh: Bình Dương

Địa chỉ thường trú: 570 Ấp Phú Thuận - Xã Phú An – TX.Bến Cát – Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ liên lạc: Công ty CP cao su Phước Hòa; Xã Phước Hòa, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0988 279.072 Email: phingaphr@gmail.com

Số CMND/Hộ chiếu: 280462292, ngày cấp 18/6/2020 ; Tại : Công An Tỉnh Bình Dương

Trình độ học vấn : Cử nhân kinh tế kỹ thuật – Đại học Nông lâm TP.HCM

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của lý lịch trích ngang, đồng thời cam kết tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên Hội đồng Quản trị Công ty tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Xin trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ỨNG CỬ



Nguyễn Thị Phi Nga

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai
2. Hộ khẩu thường trú Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương
3. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhận dân hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Uyên, ngày 02 tháng 6 năm 2021

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP KCN NAM TÂN UYÊN

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty CP Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi tên là: Hà Trọng Bình

Ngày sinh: 20/08/1963

Nơi sinh: Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: A3-09, Rubyland, Mỹ Phước, Tx Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên lạc: A3-09, Rubyland, Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0918.010.553 Email: trongbinh21@gmail.com

Số CMND/Hộ chiếu: 285177586, Ngày cấp: 23/11/2007, Tại: CA Bình Phước

Trình độ học vấn: Đại học

Chuyên ngành: Điện xí nghiệp.

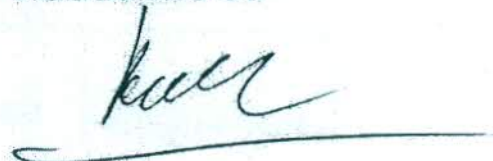
Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của lý lịch trích ngang, đồng thời cam kết tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Xin trân trọng cảm ơn.

NGƯỜI ỨNG CỬ



Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai

2. Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương

3. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH



1. Họ và tên: **HÀ TRỌNG BÌNH** Giới tính: Nữ/Nam: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 20/08/1963
3. Nơi sinh: Thanh Hóa
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Giấy CMND/Hộ chiếu số: 285177586
cấp ngày: 23/11/2007; Nơi cấp: CA Bình Phước
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A1-09, Rubyland, Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
7. Cơ quan công tác, chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Đại học
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/1985-08/1986	Xí nghiệp cơ khí chế biến, Công ty cao su Bình Long	Nhân viên
08/1986-09/1989	Xí nghiệp cơ khí chế biến, Công ty cao su Bình Long	Phó giám đốc kỹ thuật điện
10/1989-10/1996	Xí nghiệp cơ khí chế biến, Công ty cao su Bình Long	Chuyên viên kỹ thuật
11/1996-03/1999	Xí nghiệp cơ khí chế biến, Công ty cao su Bình Long	Trợ lý kỹ thuật
04/1999-04/2002	Xí nghiệp cơ khí chế biến, Công ty cao su Bình Long	Phó Giám đốc, Phó Bí thư Chi bộ
05/2002-12/2002	Xí nghiệp cơ khí chế biến, Công ty cao su Bình Long	Quyền Giám đốc
01/2003-06/2009	Xí nghiệp cơ khí chế biến Quán Lợi, Công ty cao su Bình Long	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc
07/2009-07/2016	Xí nghiệp cơ khí chế biến 30/4, Công ty TNHH MTV cao su Bình Long	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc
08/2016-10/2018	Công ty TNHH MTV cao su Bình Long	Phó Tổng giám đốc; UV.BCh Đảng ủy Công ty NK 2005-2010, UV.BTV Đảng ủy Công ty NK 2010-2015, 2015-2020
Từ 11/2018 đến nay	Công ty CP KCN Nam Tân Uyên	Tổng Giám đốc; UV.BTV Đảng ủy

11. Các chức danh quản lý đang nắm giữ ở Công ty khác (bao gồm các chức danh HĐQT của Công ty khác)

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Công ty CP KCN Minh Hưng III	Thành viên HĐQT	Từ 11/2018 đến nay

12. Các khoản nợ đối với Công ty:
13. Số lượng nắm giữ của những người có liên quan:
14. Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành:
15. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử:

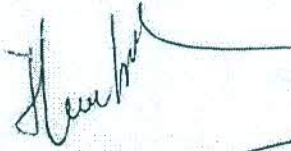
Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

....., ngày 02 tháng 6 năm 2021

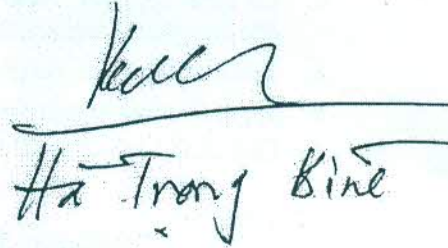
Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chính quyền địa phương hoặc
cơ quan, đơn vị nơi công tác)

....., ngày 02 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)



Huỳnh Hữu Tín



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Nguyễn Anh Phú Nguyễn Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 28/1/1982
3. Nơi sinh: Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Giấy CMND/Hộ chiếu số: 280806634 cấp ngày: 25/05/2010
Nơi cấp: CA Bình Dương
6. Hộ khẩu thường trú: 40/70 Lê Đức Thọ, Phường 17, Gò Vấp, TP.HCM
7. Cơ quan công tác, chức vụ hiện tại: Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG, Phó Giám đốc Ban điều hành KCN Phước Đông.
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư môi trường
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2002-2004	Công ty TNHH Bình Dương Composites	Kỹ sư thiết kế
2004-2010	Công ty TNHH Sợi thủy Tinh Tân Phước Khánh.	Trưởng phòng kỹ thuật
2010 - nay	Công ty CP đầu tư Sài Gòn VRG	Phó Giám đốc Ban điều hành KCN Phước Đông

11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
12. Số lượng nắm giữ của những người liên quan: không
13. Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: Không
14. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử: Không

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

TP.HCM, ngày 19 tháng 05 năm 2021

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Anh Phú Nguyễn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Uyên, ngày 19 tháng 05 năm 2021

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP KCN NAM TÂN UYÊN

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty CP Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi tên là: Nguyễn Anh Phú Nguyễn

Ngày sinh: 28/01/1982 Nơi sinh: Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Địa chỉ thường trú: 40/70 Lê Đức Thọ, phường 7, Gò Vấp, Tp.HCM.

Địa chỉ liên lạc: 40/70 Lê Đức Thọ, phường 7, Gò Vấp, Tp.HCM.

Điện thoại: 0908.222.123

Email: phunguyen@saigonvrg.com.vn

Số CMND: 280806634 Ngày cấp: 25/05/2010 Tại: CA Bình Dương.

Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của lý lịch trích ngang, đồng thời cam kết tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên Hội đồng Quản trị Công ty tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Xin trân trọng cảm ơn.

NGƯỜI ỨNG CỬ



Nguyễn Anh Phú Nguyễn

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai
2. Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương
3. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: Trần Hoàng Giang. Giới tính: Nữ/Nam: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 30/10/1980.
- Nơi sinh: Bình Dương.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 280750321. cấp ngày: 23/11/19.
Nơi cấp: C.A Bình Dương.
- Hộ khẩu thường trú: 385/76 Lê Hồng Phong, P. Phú Hòa, Tp. TDM, Bình Dương.
- Cơ quan công tác, chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng – CTCP cao su Phước Hòa.
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế (chuyên ngành Kế toán - kiểm toán)
- Quá trình trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003-2014	CTCP cao su Phước Hòa	Kế toán
2014-2019	CTCP cao su Phước Hòa	Chánh văn phòng
2019 đến nay	CTCP cao su Phước Hòa	Kế toán trưởng

- Các chức danh quản lý đang nắm giữ ở Công ty khác (bao gồm các chức danh HĐQT của Công ty khác):

STT	Tên Công ty	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
01	CTCP KCN Tân Bình	Thành viên HĐQT	Từ tháng 06/2021
02	CTCP Thành phố nội thất Việt Nam	Thành viên HĐQT	Từ tháng 11/2019 đến nay
03	CTCP cao su Trường Phát	Thành viên HĐQT	Từ tháng 11/2019 đến nay

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Số lượng nắm giữ của những người liên quan: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành : không
- Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử:

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

Phước Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Trần Hoàng Giang



SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ TRIỀU TIÊN Giới tính: Nữ/Nam: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 17/05/1984
- Nơi sinh: Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 074184000988 cấp ngày: 13/04/2021 Nơi cấp: Bộ Công An
- Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, KP8, Phường Uyên Hưng, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Cơ quan công tác, chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ năm 2006 đến năm 2009	Cty TNHH Du lịch Tân Toàn Cầu	Nhân viên Kế toán
Từ tháng 03/ 2009 đến tháng 03/2014	Cty CP KCN Nam Tân Uyên	Nhân viên Kế toán
Từ tháng 04/2014 đến 21/06/2019	Cty CP KCN Nam Tân Uyên	Phó phòng kế toán
Từ 24/06/2019 đến nay	Cty CP KCN Nam Tân Uyên	Phó phòng kế hoạch
Từ tháng 04/2015 đến T05/2017	Cty CP KCN Nam Tân Uyên	Kiểm nhiệm ban kiểm soát
Từ ngày 27/06/2019 đến nay	Cty CP KCN Nam Tân Uyên	Trưởng ban kiểm soát

- Các chức danh quản lý đang nắm giữ ở Công ty khác (bao gồm các chức danh HĐQT của Công ty khác)

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Công ty CP KCN Tân Bình	Thành viên BKS	Từ 18/03/2014 đến nay

- Các khoản nợ đối với Công ty:
- Số lượng nắm giữ của những người có liên quan:
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành:
- Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử:

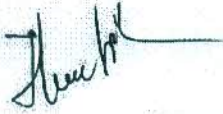
Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

....., ngày 02 tháng 6 năm 2021

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chính quyền địa phương hoặc cơ quan, đơn vị nơi công tác

....., ngày 02 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)



Huỳnh Hữu Tín



Nguyễn Thị Kiều Kiều

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH



1. Họ và tên khai sinh: **TRỊNH THẾ SƠN** - Nam.
2. Sinh Ngày 11 tháng 06 năm 1986.
3. Nơi sinh: xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Số CCCD: 087086000250 ngày cấp 13/5/2019
6. Hộ khẩu thường trú: 229/70/25 Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp Hồ Chí Minh.
7. Cơ quan công tác Chức vụ hiện tại: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP, Chuyên viên Ban Xây dựng cơ bản- Khu công nghiệp.
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường
10. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1/2009 – 2/3012	Công ty CP TVTK Giao Thông vận tại Phía Nam.	Kỹ sư thiết kế
3/2012 – nay	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Chuyên viên

11. Các chức danh quản lý đang nắm giữ ở Công ty khác

TT	Tên công ty	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
I	Công ty CP VRG Đăk Nông	Ủy viên HĐQT	Từ 2015 đến nay

12. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
13. Số lượng nắm giữ của những người liên quan: Không có
14. Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: Không có
15. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử: 4.900.796 CP

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

Tp HCM ngày 09 tháng 06 năm 2021
NGƯỜI KHAI

TrìnH Thế Sơn

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG



1. Họ và tên khai sinh: NGUYỄN THỊ DIỆU
2. Sinh ngày: 01/01/1981, giới tính: Nữ
3. Nơi sinh: Bình Dương
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Giấy CMND: 280772598, cấp ngày: 27/08/2009, nơi cấp: Bình Dương

6. Hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
7. Cơ quan công tác, chức vụ hiện tại: Nhân viên kế toán – Công ty cổ phần cao su Phước Hòa
8. Trình độ văn hóa: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức danh
Từ năm 2004 đến nay	Công ty cổ phần cao su Phước Hòa	Nhân viên kế toán

11. Các chức danh quản lý đang nắm giữ ở công ty khác: không

STT	Nơi làm việc	Chức danh	Thời gian đảm nhiệm

12. Các khoản nợ đối với công ty: Không
13. Số lượng nắm giữ của những người liên quan: Không
14. Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: Không
15. Tổng số cổ phần của cổ đông/ nhóm cổ đông đề cử: Không

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

Bình Dương, ngày 15 tháng 06 năm 2021
Người khai


Nguyễn Thị Diệu

Số: /2021/NQ-ĐHĐCĐ-NTC

Bình Dương, ngày 18 tháng 6 năm 2021

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP KCN NAM TÂN UYÊN

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên;

Căn cứ vào Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên ngày 18 tháng 6 năm 2021;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua các Báo cáo do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trình bày tại Đại hội, bao gồm:

- Báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát.
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Điều 2. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 với các nội dung chính như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

- | | | |
|------------------------|---|----------------------|
| - Tổng doanh thu | : | 476.214.771.467 đồng |
| - Tổng chi phí | : | 130.816.743.038 đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế | : | 345.398.028.429 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế | : | 290.945.265.761 đồng |

2. Kết quả đầu tư xây dựng: giá trị thực hiện trong năm là 48,25 tỷ đồng.

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

- | | |
|--|----------------------|
| - Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang: | 132.368.826.940 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: | 290.945.265.761 đồng |

+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020:	8.718.938.267 đồng
+ Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp:	275.358.171 đồng
+ Trích quỹ đầu tư phát triển:	29.094.526.576 đồng
+ Chia cổ tức năm 2020:	239.999.880.000 đồng
<i>(tương đương 100% VDL 239.999.800.000 đồng)</i>	
Gồm: + Đã tạm ứng (60% x 160.000.000.000):	96.000.000.000 đồng
+ Tiếp tục chia (60% x 239.999.800.000):	143.999.880.000 đồng
- Lũy kế lợi nhuận chuyển sang năm sau:	145.225.389.687 đồng

Điều 4. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

- Cho thuê lại đất	:	90 ha
- Tổng doanh thu	:	472,084 tỷ đồng
- Tổng chi phí	:	205,012 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	267,072 tỷ đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế	:	226,771 tỷ đồng

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 : 146,660 tỷ đồng

Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 cho phù hợp với tình hình thực tế trong quá trình thực hiện.

Điều 5. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 với các chỉ tiêu như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021	:	226.771.144.000 đồng
- Chia cổ tức tối thiểu (60%/VĐL)	:	143.999.880.000 đồng

Trên cơ sở kết quả lợi nhuận năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Điều 6. Thông qua mức chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

1. Thực hiện năm 2020:

- Hội đồng quản trị, thư ký	:	126.000.000 đồng
- Ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	:	36.000.000 đồng

2. Kế hoạch năm 2021:

- Chủ tịch HĐQT	:	4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT	:	3.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký HĐQT	:	2.000.000 đồng/tháng

- Thành viên BKS : 2.000.000 đồng/người/tháng

Điều 7. Thống nhất ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán sau đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Điều 8. Thống nhất thông qua Tờ trình số 36/TTr-HĐQT-NTC ngày 15/6/2021 về việc hạch toán giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi thanh lý cao su thực hiện dự án Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn II.

Điều 9. Thống nhất thông qua Tờ trình số 37/TTr-HĐQT-NTC ngày 15/06/2021 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành 02 Dự án:

1. Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Nam Tân Uyên;
2. Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành 02 Dự án trên cơ sở kết quả kiểm toán và các báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của Tổng giám đốc Công ty theo đúng quy định hiện hành.

Điều 10. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua:

1. Điều lệ công ty sửa đổi và Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP KCN Nam Tân Uyên. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty ban hành và thực hiện các cập nhật, sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị khi có sự thay đổi, bổ sung của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo quyền lợi của cổ đông công ty và báo cáo lại trong phiên Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP KCN Nam Tân Uyên. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát Công ty quyết định ban hành và thực hiện các cập nhật, sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát khi có sự thay đổi, bổ sung của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo quyền lợi của cổ đông công ty và báo cáo lại trong phiên Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 11. Phê chuẩn kết quả bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty CP KCN Nam Tân Uyên nhiệm kỳ 2021 - 2026; bao gồm các ông ông/bà:

1. Hội đồng Quản trị gồm 05 người:

- Ông Đỗ Hữu Phước : Thành viên HĐQT;
- Bà Nguyễn Thị Phi Nga : Thành viên HĐQT;
- Ông Hà Trọng Bình : Thành viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Anh Phú Nguyễn : Thành viên HĐQT;

- Ông Trần Hoàng Giang : Thành viên độc lập HĐQT.

Tại phiên họp đầu tiên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 đã thống nhất bầu ông Đỗ Hữu Phước làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát gồm 03 người:

- Bà Nguyễn Thị Triều Tiên : Thành viên Ban Kiểm soát;

- Ông Trịnh Thế Sơn : Thành viên Ban Kiểm soát;

- Bà Nguyễn Thị Diệu : Thành viên Ban Kiểm soát.

Tại phiên họp đầu tiên của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 đã thống nhất bầu Bà Nguyễn Thị Triều Tiên làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông, website;
- Ủy ban chứng khoán;
- HĐQT, BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu VT, thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN

Tháng năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	1
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	4
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần	6
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	6
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 12. Quyền của cổ đông	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội cổ đông.....	12
Điều 17. Thay đổi các quyền	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	15

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	24
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	27
Điều 32. Thư ký	27
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ..	27
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Điều 34. Người điều hành công ty.....	28
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	28
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TRA TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	29
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	29
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	30
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	30
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	31
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	31
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	33
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	34
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	34
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	34
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	34
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	35
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	35
Điều 48. Năm tài chính.....	35
Điều 49. Hệ thống kế toán.....	35
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	35
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý.....	35
Điều 51. Báo cáo thường niên	36
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	36
Điều 52. Kiểm toán	36
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	36
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	36
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY.....	36
Điều 54. Giải thể công ty.....	36
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	37
Điều 56. Thanh lý.....	37
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	38
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	38
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	38
Điều 58. Bổ sung và Điều lệ công ty	38
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC.....	38
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	38

Điều lệ này được Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày tháng năm 2021.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - d. *Luật chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2020;
 - đ. *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo qui định tại Điều lệ công ty;
 - i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán và khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
 - k. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 1. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 điều 4 Luật chứng khoán;
 - n. *Thời hạn hoạt động* là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN;

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM TAN UYEN JOINT STOCK CORPORATION;

- Tên Công ty viết tắt: NTC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 747B, Khu phố Long Bình, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

- Điện thoại : (84.0274) 3.652326

- Fax : (84.0274) 3.652325

- E-mail : namtanuyen@vnn.vn

- Website : www.namtanuyen.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn qui định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

- Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Đầu tư, xây dựng và kinh doanh nhà ở. Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bến bãi. (Thực hiện theo quy hoạch của Tỉnh)	6810
2	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Thi công xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng.	4101
3	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Thi công xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng.	4102
4	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, cầu đường.	4212
5	Xây dựng công trình điện	4221
6	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi.	4222
7	Xây dựng công trình công ích khác	4229
8	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng.	0220
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bến bãi.	5221
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bến bãi.	5223
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bến bãi.	5225
12	Trồng rừng và chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Ươm, trồng các loại cây giống, cây cảnh.	0210
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công công viên cây xanh.	4299
14	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác.	8299

17	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng.	5610
18	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn.	5510
19	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, sản phẩm cây cao su.	4669
20	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản Chi tiết: Đầu tư tài chính.	6420
21	Thu gom rác thải không độc hại	3811
22	Thu gom rác thải độc hại	3812
23	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý rác thải.	3821
24	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý rác thải.	3822
25	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải.	3700
26	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán các loại cây giống, cây cảnh.	4620
27	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Phân tích mẫu nước thải.	7120

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo việc làm ổn định cho người lao động, phát huy vai trò làm chủ thật sự của người lao động, mang lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

1. Vốn điều lệ của Công ty là 239.999.800.000 VND (bằng chữ: Hai trăm ba mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 23.999.980 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác (theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp qui định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và qui định khác của pháp luật có liên;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trở có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát,

hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là (03 ngày) làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng

cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên .

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa

không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty đề cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần thì được đề cử một (01) thành viên;
- Từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử ba (03) thành viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử bốn (04) thành viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm (05) thành viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) thành viên;
- Từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 5 đến 7 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác .

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội

đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Thư ký

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TRA TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi

ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh

sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có

thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Điều 49. Hệ thống kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT.NTC
ngày / / 2021 của Hội đồng quản trị công ty)

Tháng/2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	1
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của đại hội đồng cổ đông	2
Điều 4. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ	3
Điều 7. Trình tự triệu tập ĐHĐCĐ	3
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ	4
Điều 9. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ	5
Điều 10. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	5
Điều 11. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ..	6
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu	8
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu	8
Điều 14. Thông qua kết quả kiểm phiếu	9
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ	9
Điều 16. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 17. Công bố nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó quy định rõ các nội dung sau:	12
CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	13
Điều 22. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 23. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	14
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ...	18
Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	18
Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	18

CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	19
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	19
Điều 30. Thông báo họp Hội đồng Quản trị.....	19
Điều 31. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị.....	20
Điều 32. Cách thức biểu quyết	20
Điều 33. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT.....	20
Điều 34. Biên bản họp Hội đồng quản trị	21
Điều 35. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị.....	21
CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ	21
Điều 36. Tiêu chuẩn để lựa chọn người quản lý Công ty.....	22
Điều 37. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm người quản lý Công ty.....	22
Điều 38. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý.....	23
Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý	23
Điều 40. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý Công ty. ...	24
CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT	24
Điều 41. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	24
Điều 43. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.....	26
Điều 44. Cách thức bầu kiểm soát viên	26
Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	26
Điều 46. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	27
CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	27
Điều 48. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động.....	27
Điều 49. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	28
Điều 51. Tổng giám đốc	29
Điều 52. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban kiểm soát.....	29
Điều 53. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc	30
Điều 54. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.....	30
Điều 55. Phối hợp giữa Tổng giám đốc và HĐQT, Ban kiểm soát.....	31
CHƯƠNG VIII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN	

TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CÔNG TY	31
Điều 56. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý	31
Điều 57. Khen thưởng	32
Điều 58. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	32
CHƯƠNG IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	32
Điều 59. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	32
CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	33
Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.....	33
Điều 61. Hiệu lực	33

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày..... tháng..... năm 2021; Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

b. “Công ty”: là Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

c. Website chính thức của Công ty: <http://www.namtanuyen.com.vn>

d. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ở từng thời điểm.

e. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

f. “ĐHĐCĐ”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

g. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán;

h. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

i. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”: là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;

j. “Cán bộ quản lý”: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;

k. “Luật doanh nghiệp”: là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH13 ngày 17/06/2020;

l. “Luật chứng khoán”: là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

m. “Luật kế toán”: là Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

n. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ theo qui định tại Điều 15 của Điều lệ Công ty.

Điều 4. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp qui định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục triệu tập và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo qui định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ Công ty.

Điều 5. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải hoàn tất thực hiện việc đăng ký cho các cổ đông có quyền có quyền dự họp có mặt. Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ cần mang theo các giấy tờ sau:

a. Giấy tờ hợp pháp của cá nhân (Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác);

b. Giấy uỷ quyền (trường hợp được uỷ quyền tham dự).

2. Cổ đông, đại diện **theo** uỷ quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, thẻ biểu quyết, mã dự họp (cấp cho cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông), phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử (nếu có), trong đó:

a. “Thẻ biểu quyết” có ghi mã dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty;

b. “Phiếu biểu quyết” có ghi mã dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty;

c. . “Phiếu bầu cử” có ghi mã dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu, có đóng dấu treo Công ty.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 7. Trình tự triệu tập ĐHĐCĐ

1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ lập danh sách cổ đông có quyền họp ĐHĐCĐ dựa trên danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại thời điểm chốt danh sách;

b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập trong thời gian (10) ngày trước ngày phát hành thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

2. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ

Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị:

a. Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ;

b. Chương trình, nội dung đại hội;

c. Tài liệu cho đại hội;

d. Thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;

e. Thông báo và gửi thông báo triệu tập ĐHĐCĐ (thư mời họp ĐHĐCĐ) cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp trong đúng thời gian qui định tại khoản 3 Điều này;

f. Các vấn đề khác phục vụ Đại hội phù hợp với luật pháp và các qui định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình ĐHĐCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHĐCĐ được qui định tại Điều lệ Công ty.

3. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ (thư mời họp ĐHĐCĐ)

a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ và những yêu cầu khác đối với người dự họp;

b. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp, các tài liệu liên quan đến các vấn đề được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ thì thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để cổ đông có thể tiếp cận, đồng thời các tài liệu họp này được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ.

Các tài liệu bao gồm:

- a. Thông báo mời họp;
- b. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- c. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
- e. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- f. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo Giấy tờ được qui định tại thông báo họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Đại biểu.

Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ

2. Khi tiến hành đăng ký tham dự, cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết (gọi tắt là đại biểu) kiểm tra lại Thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trường hợp thất lạc; cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đề nghị Công ty cấp lại thẻ biểu quyết mới.

3. Đại biểu đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi đại biểu đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Điều 9. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên .

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 11. Thê tức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu

1. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

2. Người đăng ký dự họp sẽ sử dụng Thẻ biểu quyết đã được cấp để biểu quyết cho từng vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

3. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách **kiểm đếm hoặc** thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó **kiểm đếm hoặc** thu thẻ biểu quyết không tán thành.

4. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

a. Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT được phê chuẩn, ứng viên trúng cử sẽ được tính theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo qui định của pháp luật và Điều lệ.

b. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất một (01) phiếu bầu. Tỷ lệ % phiếu bầu được tính bằng tổng số phiếu bầu cử cho ứng viên so với tổng số cổ phần sở hữu của tổng số lá phiếu bầu cử thu về.

c. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập **theo khoản 3 Điều 26 của Điều lệ**, các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại).

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra lại số thẻ biểu quyết thu về so với số thẻ biểu quyết phát ra.

2. Thực hiện kiểm thể biểu quyết tán thành nghị quyết trước, sau đó thực hiện kiểm thể biểu quyết không tán thành và thể biểu quyết không có ý kiến

Điều 14. Thông qua kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Trong trường hợp cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết các vấn đề về qui định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông qui định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc qui định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Công bố nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp (hoặc Biên bản kiểm phiếu) và Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Đồng thời Công ty phải công bố thông tin 24 giờ tới cơ quan quản lý nhà nước theo qui định của pháp luật.

Điều 18. Thẩm quyền và trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty .

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó quy định rõ các nội dung sau:

- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- d. Điều kiện tiên hành;
- đ. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- e. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
- g. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó quy định rõ các nội dung sau:

- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Điều kiện tiên hành;

- đ. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- e. Cách thức bỏ phiếu;
- g. Cách thức kiểm phiếu;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm công ty khác.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

Điều 22. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 5 đến 7 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 23. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông qui định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
1. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị.

Nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần thì được đề cử một (01) thành viên;
- Từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử ba (03) thành viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử bốn (04) thành viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm (05) thành viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) thành viên;
- Từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công

ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người lớn hơn số lượng đã được qui định;
- c. Phiếu có tẩy xoá, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử
- e. Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.

7. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là

phù hợp.

8. Khi kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo qui định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam...;
- d. Công ty bị phá sản, giải thể;
- e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- b. Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc cổ đông có thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo trình tự và qui định của pháp luật.

Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo qui định tại Điều 18 qui chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...

3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT theo qui định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các

tiêu chí sau:

a. Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại khoản 3 Điều này;

b. Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

c. Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo qui định tại Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng quản trị và đại biểu được mời họp.

Điều 30. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng giấy mời họp đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Thư ký có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của Thành viên.

3. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã được đăng ký tại Công ty.

4. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo giấy mời phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó.

Điều 31. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 32. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

6. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu trước bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 33. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán

thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 34. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 35. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo trình tự và quy định hiện hành.

CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 36. Tiêu chuẩn để lựa chọn người quản lý Công ty

Người quản lý Công ty: bao gồm các chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng,

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế làm quản lý là năm (05) năm trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

- Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

Điều 37. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm người quản lý Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp (trừ Tổng Giám đốc) gồm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, do HĐQT phê chuẩn theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

3. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

4. Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ để Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 38. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc của HĐQT, Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc. Nội dung của Hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật hợp đồng lao động và các thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch HĐQT thực hiện ký hợp đồng lao động với người quản lý khác sau khi được sự chấp thuận của HĐQT.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.

Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý

1. Đối với chức vụ Tổng Giám đốc:

HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

- Tổng Giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

- Tổng Giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. Đối với chức vụ người quản lý công ty khác: việc miễn nhiệm, bãi nhiệm do HĐQT quyết định theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

Điều 40. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý Công ty.

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức người quản lý, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và qui định của pháp luật.

**CHƯƠNG VI.
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 41. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

11. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

12. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

13. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

14. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

16. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

17. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

18. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

19. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

20. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

21. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

22. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm

việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

23. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 3 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 43. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 18 và điều 19 quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định.

Điều 44. Cách thức bầu kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định

tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát ;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

Điều 46. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và qui định của pháp luật.

Điều 47. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VII.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 48. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc

phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

3. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 49. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.

2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

5. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 50. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 51. Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

3. Tổng Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc được quy định tại khoản 4 Điều 35 của Điều lệ Công ty.

Điều 52. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của các cán bộ quản lý điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý với những nơi cũ họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty;

5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;

6. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy

đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

Điều 53. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 54. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

- Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

1. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

2. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;

4. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm

soát phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 55. Phối hợp giữa Tổng giám đốc và HĐQT, Ban kiểm soát

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

CHƯƠNG VIII.

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CÔNG TY

Điều 56. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ
- d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 57. Khen thưởng

1. Xây dựng ban hành quy chế thi đua khen thưởng.
2. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 51 quy chế này.
3. Chế độ khen thưởng (theo quy chế của Công ty)
4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Công ty.
5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 58. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 59. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
2. Công ty ban hành qui chế về công bố thông tin của công ty theo qui định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

3. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Qui chế nội bộ về quản trị Công ty

Việc sửa đổi, bổ sung Qui chế này phải được ĐHĐCĐ Công ty xem xét, biểu quyết và thông qua.

Điều 61. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 chương, 61 điều đã được ĐHĐCĐ thông qua ngàytháng.....năm họp và cùng chấp nhận hiệu lực toàn văn của qui chế.

2. Các bản sao hoặc trích lục Qui chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ THẢO QUY HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT.NTC
ngày / /2021 của Hội đồng quản trị công ty)

Tháng/2021

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày..... tháng..... năm 2021; Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- b. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

đ. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);

e. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

h. Điều kiện tiên hành;

i. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

k. Cách thức bỏ phiếu;

l. Cách thức kiểm phiếu;

m. Điều kiện để nghị quyết được thông qua;

n. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

o. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);

p. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

q. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

b. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

d. Điều kiện tiên hành;

đ. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

e. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;

g. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;

h. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

k. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Điều kiện tiên hành;
 - đ. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Cách thức bỏ phiếu;
 - g. Cách thức kiểm phiếu;
 - h. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - k. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
6. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- đ. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- g. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;
- h. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;
- b. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;
- c. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);
- d. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;
- đ. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- e. Cách thức biểu quyết;
- g. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- h. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;
- i. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;
- k. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

l. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (theo mô hình công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán;
- b. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán;
 - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán;
 - Ứng cử, đề cử, thành viên Ủy ban kiểm toán;
- c. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

6. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:

a. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban;

b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

- Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;
- b. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- c. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- d. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- đ. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có **từ 5 đến 7** thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được

là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu **trên 10%** tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV.

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công

trộn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP KCN NAM TÂN UYÊN

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước Cộng hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, được Quốc hội nước Cộng hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày..... tháng.... năm....

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần KCN Nam Tân Uyên.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần KCN Nam Tân Uyên bao gồm các nội dung sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ THẢO QUY HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT.NTC
ngày / / 2021 của Hội đồng quản trị công ty)

Tháng/2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.....	2
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN).....	2
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát	3
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát....	4
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	5
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	7
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	7
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	8
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát	8
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	8
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	8
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác.....	9
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	9
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	10
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	10
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	10
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	10
Điều 23. Hiệu lực thi hành	10

CHƯƠNG I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát gồm các quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát nhằm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên và theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho ban kiểm soát Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên và các thành viên Ban kiểm .

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Ban kiểm soát”: Là Ban kiểm soát Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

2. “Công ty”: là Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

3. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ở từng thời điểm.

4. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 ;

5. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

6. “Đại hội đồng Cổ đông”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty (ĐHĐCĐ).

7. “Người quản lý”: là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo qui định tại Điều lệ công ty;

8. "Người điều hành" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

9. “ Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật chứng khoán;

10. “Pháp luật" có nghĩa là Hiến pháp, tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty;

11. “Công ty liên kết” là Công ty có cổ phần, vốn góp không ở mức chi phối của Công ty; chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Công ty theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký kết giữa đơn vị liên kết với Công ty;

12. “Người đại diện phân vốn của Công ty” (sau đây gọi là Người đại diện) là người được Công ty cử làm đại phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác

để thực quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại doanh nghiệp đó theo quy định của pháp luật.

13. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 3 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp .

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và

đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

11. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

12. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

13. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

14. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

16. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

17. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

18. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

19. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

20. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

21. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

22. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

23. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện;

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần...bao gồm 7 chương,
23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**